

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐẶNG VĂN CƯỜNG

**TRANH TỤNG CỦA LUẬT SƯ TẠI PHIÊN
TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM TỪ THỰC TIỄN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.40

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thái Phúc

Hà Nội, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kì công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Đặng Văn Cường

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM	8
1.1.Lý luận chung về tranh tụng... ..	8
1.2.Phiên tòa sơ thẩm và nguyên tắc tranh tụng	16
1.3. Luật sư – Chủ thể tham gia tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm	23
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI	28
2.1 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự.....	28
2.2 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về hoạt động của luật sư tại phiên tòa sơ thẩm	30
2.3 Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về hoạt động của luật sư tại phiên tòa sơ thẩm ở thành phố Hà Nội	41
CHƯƠNG 3: BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG CỦA LUẬT SƯ TẠI PHIÊN TÒA SƠ HÌNH SỰ THẨM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ TRANH TỤNG CỦA LUẬT SƯ 56	
3.1 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về hoạt động của luật sư tại phiên tòa sơ thẩm.....	56
3.2 Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 điều chỉnh tranh tụng của luật sư tại phiên tòa sơ thẩm.....	64
KẾT LUẬN	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	72

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
BLHS	Bộ luật hình sự
ĐTV	Điều tra viên
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSV	Kiểm sát viên
NBC	Người bào chữa
NBV QVLIHP	Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp
CQTHTT	Cơ quan tiến hành tố tụng
VAHS	Vụ án hình sự
XXST	Xét xử sơ thẩm

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 quy định: Trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, của cơ quan, tổ chức và công dân... [60]. Sau mười hai năm áp dụng, BLTTHS năm 2003 đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng để các chủ thể thực hiện chức năng, nhiệm vụ tố tụng của mình, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, phục vụ tích cực công cuộc đổi mới trong những năm vừa qua.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã có không ít những khó khăn, bất cập gây cản trở cho các chủ thể tố tụng hình sự (TTHS), gây ra những khó khăn đối với những người tham gia tố tụng, trong đó có luật sư, nguyên tắc tranh tụng chưa được ghi nhận chính thức, chưa được tôn trọng dẫn đến nhiều vụ án xuất hiện sự áp đặt ý chí chủ quan của người tiến hành tố tụng đến kết quả giải quyết vụ án, là nguyên nhân dẫn tới oan sai. BLTTHS năm 2003 còn nhiều bất cập trong các quy định của pháp luật và trong thực tiễn thực hiện các quy định liên quan đến các vấn đề như: Việc bảo đảm quyền bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; quyền nhờ người khác bào chữa của bị can, bị cáo; địa vị pháp lý của người bào chữa; thủ tục; thủ tục cấp giấy chứng nhận cho người bào chữa; vai trò của luật sư trong việc thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ; việc tranh tụng của luật sư tại phiên tòa... Chưa đảm bảo được các nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự dẫn đến vai trò trung tâm của tòa án chưa được phát huy, địa vị tố tụng của người bào chữa chưa được thể hiện đầy đủ vị thế là một bên – Bên gỡ tội... đó là những

nguyên nhân dẫn đến nhiều vụ án oan, sai xảy ra, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Hiện nay, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã được Quốc hội thông qua nhưng chưa có hiệu lực áp dụng. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã lần đầu tiên ghi nhận “tranh tụng” là một nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự, đồng thời đã có một số sửa đổi, bổ sung làm nền tảng cơ sở pháp lý, đảm bảo tốt hơn việc tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm nói riêng và của người bào chữa trong quá trình tham gia tố tụng vụ án hình sự nói chung. Tuy nhiên, vẫn còn những vướng mắc tồn tại trong BLHS năm 2003 chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời khiến nguyên tắc tranh tụng của luật sư trong phiên tòa chưa có điều kiện phát huy trên thực tế, chưa đảm bảo tính dân chủ, bình đẳng trong các bên tham gia tranh tụng... đó là các nguyên nhân dẫn đến chưa đảm bảo tính đúng đắn trong việc giải quyết vụ án hình sự.

Vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay là BLTTHS nói riêng cũng như pháp luật về tư pháp hình sự nói chung phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, tiến bộ xã hội, tạo hành lang pháp lý minh bạch hơn, khả thi hơn cho các chủ thể tham gia tố tụng thực quyền của mình cho phù hợp với sự phát triển của xã hội. Ngoài ra, cần có những cơ chế, giải pháp cụ thể đảm bảo được nguyên tắc tranh tụng, để người bào chữa được thực hiện quyền bào chữa một cách tích cực, đầy đủ đảm bảo hoạt động bào chữa trong vụ án hình sự có hiệu quả góp phần bảo vệ công lý, giảm bớt những oan sai, tiêu cực trong hoạt động tố tụng hình sự.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hiện nay, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa, vai trò của luật sư, về địa vị pháp lý của luật sư khi tham gia tố tụng trong VAHS, như: TS. LS Phan Trung Hoài: "*Hoàn thiện pháp luật về luật sư ở Việt Nam*", Nxb Tư pháp, 2006; TS.

Nguyễn Văn Tuấn: "*Vai trò của luật sư trong tố tụng hình sự*", Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001; TS. Nguyễn Văn Tuấn: "*Thực trạng tranh tụng và vấn đề nâng cao vai trò của luật sư trong tranh tụng trước yêu cầu cải cách tư pháp*", Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 3/2010; Hoàng Thị Sơn: "*Thực hiện quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự*", Luận án tiến sĩ luật học; Hồ Sĩ Sơn: "*Những đảm bảo hiệu quả của hoạt động bào chữa trong tố tụng hình sự*", Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 150, tháng 10/2000; Thu Tâm - Hồng Phong: "*Vấn đề tranh tụng và vai trò của luật sư*", Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, số ra ngày 14/10/2002; Ngô Thị Ngọc Vân: "*Vai trò của luật sư bào chữa trong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*", Luận văn thạc sĩ luật học, năm 2004 ...

Các công trình nghiên cứu, bài viết nêu trên đã thể hiện được tương đối rõ nét về địa vị pháp lý, vai trò, hoạt động tranh tụng của luật sư trong VAHS và rất hữu ích trong quá trình nghiên cứu, học tập, áp dụng pháp luật trong thực tiễn. Tuy nhiên, do biến chuyển của thời gian và thực tế tình hình áp dụng pháp luật có nhiều thay đổi, thực trạng sự tham gia của luật sư vào các VAHS, vai trò tranh tụng của luật sư trong các vụ án cũng có những chuyển biến, cùng với những thay đổi trong chính sách hình sự của nước ta nên cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu về thực trạng tranh tụng của luật sư ở giai đoạn XXST VAHS để từ đó chỉ ra những bất cập, nguyên nhân của những hạn chế và đề xuất những giải pháp để khắc phục, nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng của luật sư. Việc tiếp tục nghiên cứu về hoạt động tranh tụng của luật sư trong vụ án hình sự là thực sự cần thiết để đảm bảo dân chủ, công bằng, khách quan trong tố tụng và để giảm thiểu những oan sai không đáng có trong các vụ án hình sự.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Để hoàn thành đề tài "*Tranh tụng của luật sư trong phiên tòa hình sự sơ thẩm, từ thực tiễn thành phố Hà Nội*", luận văn xác định các mục đích nghiên cứu cơ bản như sau:

- Mục đích chính của luận văn là phân tích, đánh giá một cách toàn diện vào có hệ thống về lý luận, các quy định của pháp luật cũng như quá trình tranh tụng của luật sư trong phiên tòa hình sự sơ thẩm, thông qua thực tiễn thành phố Hà Nội hiện nay.

- Kiến nghị các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc soạn thảo và ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật để phù hợp với tình hình thực tiễn và dần dần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực này; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định đó, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự, góp phần giải quyết nhanh chóng, chính xác, công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Trên cơ sở các mục đích nghiên cứu nêu trên, nhiệm vụ của luận văn là phải:

- Khái quát một số vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động tranh tụng của luật sư trong tố tụng hình sự;

- Phân tích các quy định của pháp luật về hoạt động tranh tụng của luật sư trong phiên tòa hình sự sơ thẩm;

- Đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật có liên quan và hoạt động tranh tụng của luật sư trong phiên tòa hình sự sơ thẩm trên cơ sở các số liệu cụ thể tại thành phố Hà Nội. Từ đó thấy được những hạn chế, cũng như các thuận lợi, khó khăn của luật sư khi tham gia tố tụng, tranh tụng tại phiên tòa hình sự, làm cơ sở cho việc đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung một số văn bản pháp luật liên quan.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* *Đối tượng nghiên cứu:* Đối tượng nghiên cứu của luận văn gồm hai nhóm đối tượng sau:

- Nghiên cứu các vấn đề về lý luận, các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Liên hệ so sánh giữa các quy định hiện hành và các quy định được ban hành trước đây có liên quan đến phạm vi nghiên cứu của luận văn.

- Nghiên cứu thực tiễn của việc thi hành pháp luật, về hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

* *Phạm vi nghiên cứu:*

Trong giai đoạn XXST VAHS, luật sư có thể tham gia tranh tụng tại phiên tòa hình sự với nhiều tư cách, như: người bào chữa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan... Trong phạm vi luận văn này, tác giả đề cập, nghiên cứu và giải quyết những vấn đề xung quanh hoạt động tranh tụng của luật sư với tư cách là người bào chữa và với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại trong vụ án hình sự, tập trung thể hiện tại phiên tòa hình sự sơ thẩm; đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan trong thực tiễn tranh tụng tại tòa án, đồng thời, tìm ra các nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về mặt lập pháp cũng như việc nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của luật sư. Trong khuôn khổ của luận văn, các thông tin, số liệu được lấy từ nguồn thống kê trong những năm gần đây từ 2011- 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận duy vật lịch sử và duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng Nhà nước

pháp quyền, về chính sách hình sự, về phương hướng và nhiệm vụ cải cách tư pháp... Để thực hiện đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp như phân tích tổng hợp, lịch sử, thống kê, đối chiếu, so sánh ...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận văn có thể có những đóng góp về mặt lý luận đối với hoạt động tranh tụng của luật sư trong VAHS nói chung và trong phiên tòa XXST VAHS nói riêng. Bên cạnh đó, luận văn còn chỉ ra được những hạn chế trong thực tiễn tham gia tranh tụng của luật sư trong VAHS, nguyên nhân của sự hạn chế đó và đề ra được những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng của luật sư, vai trò và vị thế của luật sư trong hoạt động tố tụng hình sự.

Luận văn là sự tổng hợp những vấn đề chung nhất về lý luận cũng như thực tiễn việc tranh tụng của luật sư trong phiên tòa hình sự sơ thẩm với tư cách là người bào chữa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, thể hiện được nhiều điểm mới cơ bản so với các nghiên cứu trước đây, như:

- Tổng hợp được các vấn đề lý luận về tranh tụng trong tố tụng hình sự; về hoạt động tranh tụng của luật sư trong tố tụng hình sự; về địa vị pháp lý, quyền, nghĩa vụ của luật sư trong việc thu thập, đánh giá, sử dụng chứng cứ; về hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ...

- Đánh giá được thực trạng, đưa ra được những nguyên nhân, hạn chế và đề xuất được các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật, nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương :

Chương 1: TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM.

Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BLTTHS NĂM 2003 VỀ HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG CỦA LUẬT SƯ TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM QUA THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Chương 3. BLTTHS NĂM 2015 VỀ HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG CỦA LUẬT SƯ TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.

Chương 1

TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM

1.1. Lý luận chung về tranh tụng

Vấn đề tranh tụng không phải là vấn đề mới, nhưng cho đến nay vẫn có nhiều cách hiểu khác nhau. Người ta thường đề cập đến nguyên tắc tranh tụng, kiểu tố tụng tranh tụng, mô hình tranh tụng, hệ thống tranh tụng... lý giải vấn đề tranh tụng từ nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào đưa ra một khái niệm cụ thể tranh tụng là gì. Trong một số tài liệu, người ta thường đề cập đến hệ thống tranh tụng (Adversarial System). Theo từ gốc tranh tụng trong tiếng Anh là “Adversarial” có nghĩa là “đối kháng”, “đương đầu”. Như vậy về bản chất tranh tụng là “cuộc đấu” giữa hai bên trong tố tụng hình sự (bên buộc tội và bên bị buộc tội) mà giai đoạn đương đầu tại tòa án (tại phiên tòa) là trung tâm, là chính.

Sự ra đời và phát triển của khái niệm tranh tụng trong tố tụng gắn liền với sự hình thành và phát triển của các tư tưởng dân chủ, tiến bộ trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Tranh tụng không chỉ là thành tựu pháp lý đơn thuần, mà cao hơn nó là thành tựu của sự phát triển tư tưởng, của nền văn minh nhân loại. Trong xã hội hiện đại, ở các nước dù có tổ chức hệ thống tư pháp khác nhau, dù là hệ thống án lệ (common law), hệ thống luật lục địa (legal law) hay hệ thống luật xã hội chủ nghĩa, thì ít hay nhiều và bằng các thể hiện khác nhau, trong hệ thống tranh tụng đều có yếu tố tranh tụng [13, tr3]. Tuy nhiên, để biến “tranh tụng” trở thành một nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự, để vận dụng những hạt nhân hợp lý của nó và hoàn cảnh của mỗi nước thì cần có sự nghiên cứu, vận dụng phù hợp.

Ở Việt Nam, vấn đề tranh tụng đã được đề cập nhiều năm trở lại đây nhưng đến nay vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm tranh tụng. Trước đây, có quan niệm cho rằng tranh tụng là nguyên tắc đặc trưng của

TTHS tư sản nên vấn đề này không được áp dụng trong tổ chức và hoạt động tư pháp ở nước ta. Về mặt lý luận cũng như thực tiễn, tranh tụng không được thừa nhận và thuật ngữ “tranh tụng” cũng chưa bao giờ được dùng trong các văn bản pháp luật của nước ta. Những năm gần đây, một số bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành đề cập về vấn đề này ở những mức độ nhất định và với rất nhiều quan điểm khác nhau. Sau khi có Nghị quyết số 08/2002/NQ-TW của Bộ Chính trị, có Hiến pháp 2013, và trong quá trình xây dựng Bộ luật TTHS sửa đổi hiện nay, vấn đề tranh tụng mới được đưa ra bàn luận sôi nổi. Tranh tụng được đề cập chính thức trong nội dung Nghị quyết 08/2002/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị như là tư tưởng chỉ đạo trong quá trình hoàn thiện các thủ tục TTHS Việt Nam hiện nay. Tiếp đến, Nghị quyết số 49/2005/NQ-BCT ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 xác định rõ mục tiêu: *“Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam XHCN; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”*.

Vậy thế nào là tranh tụng và vấn đề tranh tụng được đề cập trong Nghị quyết 08-NQ/TW, Nghị quyết 49 -NQ/TW của Bộ Chính trị cần được hiểu như thế nào cho đúng. Có ý kiến cho rằng, cần xác định tranh tụng như một nguyên tắc của tố tụng hình sự Việt Nam, có ý kiến đề nghị chuyển mô hình tố tụng hình sự ở nước ta sang mô hình tố tụng tranh tụng. Tuy nhiên, nhiều ý kiến lại cho rằng, yêu cầu tăng cường tranh tụng được nêu trong Nghị quyết 08-NQ/TW và Nghị quyết 49 -NQ/TW của Bộ Chính trị không nên hiểu là yêu cầu thay đổi hệ thống tố tụng (từ hệ thống tố tụng thẩm vấn chuyển sang hệ thống tố tụng tranh tụng), mà cần phải được hiểu là yêu cầu cần phải tăng cường khả năng tranh luận dân chủ giữa các chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án, bảo đảm cho việc xét xử

đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Chúng ta có thể xem xét khái niệm “tranh tụng” dưới hai góc độ là: Tranh tụng là mô hình tố tụng hình sự và tranh tụng là nguyên tắc của tố tụng hình sự để hiểu rõ hơn về khái niệm này.

1.1.1. Tranh tụng là mô hình tố tụng hình sự

Xuất phát từ truyền thống lịch sử, văn hoá và trình độ phát triển kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia mà hệ thống pháp luật nói chung và hệ thống tư pháp hình sự ở mỗi nước được tổ chức rất khác nhau. Tuy nhiên, căn cứ vào các dấu hiệu chung nhất có thể phân thủ tục xét xử các vụ án hình sự ở các nước trên thế giới thành hai hệ tố tụng cơ bản: Tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn (xét hỏi), ngoài ra còn có Tố tụng pha trộn (Việt Nam đang áp dụng mô hình TTTHS pha trộn nghiêng về thẩm vấn). *Cả hai hệ tố tụng này đều có mục đích cơ bản là tìm ra sự thật và hoạt động theo nguyên tắc "kẻ có tội phải bị trừng phạt, người vô tội phải được tự do". Điểm khác biệt giữa chúng là ở sự giả định về cách thức tốt nhất để tìm ra sự thật.*

Tố tụng tranh tụng (hình thành từ kiểu "xét xử bằng phép thử tội qua cuộc đấu") được sử dụng đầu tiên ở nhà nước Hy Lạp cổ đại, sau đó được áp dụng ở La Mã và phổ biến sang một số nước Châu Âu trong thời kỳ trung cổ (Thế kỷ 10 - 13). Ngày nay, mô hình tố tụng tranh tụng được áp dụng ở nhiều nước nhưng chủ yếu ở các nước thuộc hệ thống luật án lệ (như Mỹ, Anh, Úc, Singapo,...) với mức độ và phạm vi khác nhau tùy thuộc vào quan niệm và truyền thống của mỗi nước. Tuy nhiên, có thể rút ra một số đặc điểm chung của mô hình tố tụng này, cụ thể sau đây:

- Tố tụng tranh tụng cho rằng, sự thật sẽ được mở ra thông qua sự tranh luận (cuộc tranh đấu) tự do và cởi mở giữa hai bên (một bên là Nhà nước và bên kia là người bị buộc tội) có các dữ kiện chính xác về vụ việc. Tố tụng tranh tụng đề cao luật hình thức (thủ tục tố tụng) hơn luật nội dung (hay nói cách khác là trọng chứng hơn trọng cung). Thủ tục tố tụng tại phiên toà được thực hiện công khai, bằng miệng và tuân thủ triệt để nguyên tắc tranh tụng.

Mọi chứng cứ viết (như biên bản của cảnh sát tư pháp) đều không được công nhận là chứng cứ. Bên buộc tội và bên bào chữa tham gia phiên tòa với tư cách là hai đối thủ có trách nhiệm chứng minh về sự có tội hay vô tội của bị cáo. Mỗi bên đều bình đẳng với nhau trong việc sử dụng pháp luật (đặc biệt là các quy tắc tố tụng và các quyền năng tố tụng) để có thể đạt được ưu thế của mình trước bên đối phương.

- Tố tụng tranh tụng không có giai đoạn điều tra, mọi chứng cứ hoàn toàn do các bên tự thu thập và chỉ được đưa ra tranh luận tại phiên xét xử. Bên buộc tội và bên bào chữa sử dụng quyền kiểm tra chéo đối với người làm chứng để xác định tính trung thực hay sự thiên vị trong các lời khai của họ (chỉ ra cái mà người làm chứng biết thực chứ không phải cái mà họ nghĩ rằng họ biết). Vì vậy, ngay cả các sự việc diễn ra tại phiên tòa cũng có thể được các bên dùng làm chứng cứ chống lại nhau. Mỗi bên có quyền đặt câu hỏi trực tiếp cho bên kia cũng như những người làm chứng, giám định viên,... thậm chí có quyền ngắt lời bên kia để phản bác.

- Tố tụng tranh tụng quan tâm đặc biệt đến lợi ích của các bên và đặt lợi ích của xã hội xuống hàng thứ yếu; quyền lực được chia sẻ cho cả công tố viên, luật sư và Thẩm phán. Trách nhiệm chứng minh được phân đều cho hai bên buộc tội và bào chữa. Tại phiên tòa, Công tố viên đại diện cho Nhà nước chỉ đóng vai trò của một chủ thể thuộc bên buộc tội để thực hiện chức năng buộc tội đối với bị cáo (chứng minh tội phạm của bị cáo và những thiệt hại mà tội phạm đã gây ra cho xã hội). Luật sư bào chữa tranh luận về sự vô tội hay giảm nhẹ tội để bảo vệ thân chủ của mình về mặt pháp lý. Tòa án (Thẩm phán) chỉ đóng vai trò là người trọng tài có trách nhiệm bảo đảm để các bên tuân thủ các quy tắc tố tụng. Trên cơ sở các chứng cứ đã được các bên đưa ra xem xét, kiểm tra tại phiên tòa, Thẩm phán đưa ra phán quyết về vụ án (mà không có trách nhiệm tìm ra sự thật, không có quyền được biết về các chứng cứ của vụ án trước khi mở phiên tòa).

- Tại phiên toà, các bên có thể sử dụng tất cả các phương tiện, phương pháp mà pháp luật cho phép để tranh tụng với nhau. Việc lựa chọn phương pháp, phương tiện cụ thể nào phụ thuộc vào nhiều yếu tố (thời điểm tranh tụng, từng vụ án cụ thể, sở trường, trình độ, kỹ năng nghiệp vụ, kinh nghiệm thực tiễn,... của mỗi chủ thể). Phương tiện tranh tụng mà các bên sử dụng trước hết là các chứng cứ, vật chứng được đưa ra xem xét tại phiên toà, các quy phạm pháp luật (hình sự, TTHS, dân sự, lao động, ...), các giải thích pháp luật, án lệ, phân tích, lập luận và phản bác quan điểm, kết luận của bên đối phương, đồng thời đề nghị Toà án chấp nhận quan điểm của mình về hướng giải quyết các vấn đề trong vụ án.

Như vậy, có thể nói rằng mô hình tố tụng hình sự tranh tụng chỉ là một trong các mô hình của TTHS đã tồn tại trong lịch sử phát triển của Nhà nước và pháp luật. Mô hình này có những ưu điểm và những hạn chế nhất định. Vì vậy, việc thiếp thu, vận dụng nó trong mỗi quốc gia phụ thuộc vào nhiều yếu tố như văn hóa, lịch sử, tập quán... và mức độ vận dụng đến đâu, như thế nào cho phù hợp là những vấn đề mà các nhà lập pháp luôn phải trăn trở để có thể vận dụng những hạt nhân hợp lý của nó trong hoàn cảnh của quốc gia mình. Từ đó, khái niệm “tranh tụng” nhìn ở góc độ mô hình TTHS chính là: Cách thức tổ chức hoạt động TTHS ở trong nhà nước cụ thể phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa, truyền thống của quốc gia đó.

1.1.2. Tranh tụng là nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự

Theo quan niệm chung, nguyên tắc của tố tụng hình sự là những tư tưởng chỉ đạo đối với toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự hoặc đối với một loại hoạt động nhất định “là những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt toàn bộ các chế định pháp luật, các quy phạm pháp luật cụ thể về tố tụng hình sự”; hoặc đó là “những phương châm, định hướng chi phối toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự và được các văn bản pháp luật tố tụng hình sự ghi nhận” [60, Tr25]. Nguyên tắc tranh tụng thể hiện tính dân chủ, công khai, minh bạch,

khách quan, bình đẳng trong tố tụng hình sự, đặc biệt là trong phiên tòa xét xử vụ án hình sự.

Tranh tụng tạo điều kiện tối đa cho các bên tham gia tố tụng sử dụng các phương pháp để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Nguyên tắc tranh tụng đề cao vai trò của luật sư, của cá nhân và đề cao các quyền cơ bản của con người. Thẩm phán chỉ đóng vai trò trọng tài khách quan và công minh, ra phán quyết trên cơ sở chứng cứ mà các bên chứng minh tại phiên tòa. Nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi việc chứng minh phải được thực hiện công khai ngay tại phiên tòa, dưới sự giám sát của Hội thẩm đoàn và Thẩm phán luôn phải chịu trách sức ép từ bên đối tụng. Vì vậy, mục đích của các bên trong tranh tụng là phải tự chứng minh được lý lẽ phải thuộc về mình, nếu không họ sẽ là người thua cuộc.

Trước đây, với quan niệm cho rằng tranh tụng là nguyên tắc đặc trưng của TTHS tư sản nên vấn đề này không được khoa học pháp lý quan tâm nghiên cứu. Vì vậy, về mặt lý luận, tranh tụng không được thừa nhận và thuật ngữ “tranh tụng” cũng chưa bao giờ được dùng trong các văn bản pháp luật nước ta. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng BLTTHS nước ta cần ghi nhận tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản của TTHS để phân định rõ chức năng buộc tội, bào chữa và xét xử giữa các bên và Tòa án. Mặt khác, trong BLTTHS cũng cần quy định đầy đủ và cụ thể các điều kiện pháp lý cần thiết để đảm bảo sự bình đẳng giữa các bên tham gia tố tụng. Việc ghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong BLTTHS không đồng nhất với việc xây dựng hệ thống tố tụng ở nước ta theo mô hình tố tụng tranh tụng.

Đề cụ thể hóa tinh thần của Nghị quyết số 08/2002/NQ-TW và Nghị quyết số 49/2005/NQ-TW của Bộ Chính trị, nguyên tắc “tranh tụng” lần đầu tiên đã được ghi nhận, thừa nhận một cách chính thức trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Cụ thể, khoản 5, Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định: “... Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”. Tiếp theo Điều 13, Luật

Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 cũng quy định: *“Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm, Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử. Việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử theo quy định của Luật Tố tụng”*. Điều 26, Bộ luật tố tụng năm 2015 lần đầu tiên ghi nhận “tranh tụng” là một trong các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự.

Mặc dù, đến nay nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự đã được Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 ghi nhận, tuy nhiên pháp luật vẫn chưa đưa ra một khái niệm cụ thể, thống nhất về tranh tụng nói chung, cũng như tranh tụng trong tố tụng hình sự nói riêng.

Theo từ điển luật học năm 2006 - Viện khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa, Nhà xuất bản Tư pháp, tại trang 807, 808, khái niệm tranh tụng được hiểu như sau: *“Tranh tụng là hoạt động tố tụng được thực hiện bởi các bên tham gia tố tụng (bên buộc và bên bị buộc tội) có quyền bình đẳng với nhau trong việc thu thập, đưa ra chứng cứ để bảo vệ các quan điểm và lợi ích của mình, phản bác lại các quan điểm và lợi ích của phía bên đối lập. Tranh tụng tại phiên tòa là những hoạt động tố tụng được tiến hành tại phiên tòa xét xử bởi hai bên tham gia tố tụng, nhằm bảo vệ ý kiến, luận điểm của mỗi bên và bác bỏ ý kiến, luận điểm của phía bên kia, dưới sự điều khiển, quyết định của Tòa án với vai trò trung gian, trọng tài”*.

Theo Từ điển giải thích tiếng Việt thì khái niệm “tranh tụng” được giải thích là từ ghép của hai từ “tranh luận” và “tố tụng”, theo đó, tranh tụng được giải thích là “tranh luận trong tố tụng”.

Theo tác giả thì không nên hiểu khái niệm “tranh tụng” đơn giản chỉ là tranh luận, tranh cãi giữa hai bên tại phiên tòa, mà có thể hiểu tranh tụng là hoạt động diễn ra giữa hai bên đối kháng nhau trong quá trình tố tụng lâu dài, được cả hai bên tiến hành các hành động một cách quyết liệt để “cạnh tranh”

nhau để “chống” lại nhau nhằm bảo vệ quan điểm của mình, để đạt được mục đích khi tham gia vào quá trình tố tụng.

Vì vậy, theo tác giả, khái niệm tranh tụng trong tố tụng hình sự có thể hiểu như sau: *Tranh tụng trong tố tụng hình sự là sự đối đầu giữa bên buộc tội và bên bào chữa (gỡ tội) trong quá trình thực hiện hoạt động tố tụng hình sự, theo đó bên buộc tội (công tố) cố gắng để thuyết phục các thành viên Hội đồng xét xử tin rằng bị cáo là người có tội và đề nghị tòa án áp dụng chế tài hình sự đối với bị cáo; Còn bên bị buộc tội (bên bào chữa) thì ngược lại, cố gắng sử dụng lý lẽ, chứng cứ, căn cứ pháp lý để biện bạch, bác bỏ những lời buộc tội do bên công tố đưa ra hoặc ít nhất là bác bỏ tính chất nghiêm khắc, nghiêm trọng mà bên buộc tội đưa ra để kiến nghị Tòa án áp dụng một biện pháp xử lý thích hợp nhất, nhân văn nhất đối với người bị buộc tội.*

Tranh tụng bao giờ cũng gắn liền với hoạt động tài phán của tòa án. Tùy theo tính chất vụ án mà chức năng tố tụng, địa vị pháp lý của các bên cũng khác nhau. Tranh tụng trong tố tụng hình sự diễn ra giữa bên buộc tội và bên bào chữa, chủ yếu là giữa công tố với người bào chữa và bị cáo [13, tr4].

Trong cuộc đối đầu giữa bên buộc tội và bên bào chữa thì đòi hỏi phải có sự bình đẳng trong việc thu thập chứng cứ, đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ và đưa ra đề nghị, yêu cầu đối với vụ án để tòa án thực hiện chức năng phán xét. Tranh tụng phải đảm bảo sự công minh của tòa án, tòa án phải đứng giữa, phải là trọng tài để phân xử giữa hai bên. Mục đích của tranh tụng trong tố tụng hình sự là để tìm ra sự thật khách quan của vụ án, để áp dụng đúng đắn pháp luật theo nguyên tắc là kẻ có tội thì phải bị trừng phạt, người không có tội thì phải được tự do. Bên buộc tội và bên bào chữa luôn có sự tương tác lẫn nhau, đấu tranh lẫn nhau trong quá trình hoạt động tố tụng, giống như “sự thống nhất, đấu tranh của các mặt đối lập” trong triết học Mac-Lenin, như một quy luật tất yếu để hoạt động tố tụng hình sự được vận hành

ổn định, hiệu quả, đảm bảo quyền con người, quyền công dân, nguyên tắc suy đoán vô tội, đảm bảo giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Từ khái niệm tranh tụng trong tố tụng hình sự, chúng ta có thể khái quát khái niệm tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự như sau: *Tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm là tổng thể các hoạt động tố tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự với tư cách là người bào chữa hoặc với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự để bảo vệ quan điểm, luận điểm của mình nhằm tìm ra sự thật khách quan của vụ án, để tòa án có căn cứ giải quyết vụ án một cách đúng đắn, công bằng.* Mức độ tham gia tố tụng, khả năng tham gia tố tụng của luật sư tại phiên tòa phụ thuộc vào địa vị pháp lý (quyền và nghĩa vụ) của chủ thể mà luật sư đứng về phía đó. Hoạt động tranh tụng của luật sư trong phiên tòa hình sự sơ thẩm khác với hoạt động của kiểm sát viên xuất phát từ chức năng (buộc tội – bào chữa), khác về địa vị pháp lý, đồng thời hoạt động tranh tụng của luật sư trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng khác với hoạt động tranh tụng của luật sư trong các giai đoạn trước đó. Khi luật sư tham gia vụ án hình sự với tư cách là người bào chữa thì chức năng, nhiệm vụ, địa vị pháp lý cũng khác với luật sư tham gia với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, người bị hại... Vì vậy, để nghiên cứu cụ thể hoạt động tranh tụng của luật sư trong từng tư cách pháp lý trong tố tụng hình sự thì ta cần căn cứ vào các quy định cụ thể của pháp luật về tố tụng hình sự.

1.2. Phiên tòa sơ thẩm và nguyên tắc tranh tụng

Trong toàn bộ quá trình thực hiện hoạt động tố tụng, xét xử đóng vai trò trung tâm, thể hiện đầy đủ bản chất tư pháp của một nhà nước, là giai đoạn quyết định tính đúng đắn, khách quan của việc giải quyết vụ án, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, công dân. Trong hoạt động xét xử của Tòa án, phiên tòa xét xử vụ án hình sự là một hoạt động có vai trò đặc biệt quan trọng và mang tính chất quyết định trong giải quyết

vụ án. Kết quả của phiên tòa sẽ thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, mục đích tố tụng đặt ra. Vì vậy, phiên tòa là giai đoạn trung tâm thể hiện đầy đủ nhất bản chất quá trình tố tụng nói chung và xét xử nói riêng. Phiên tòa có sự tham gia đầy đủ của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng với địa vị pháp lý được xác định. Thông qua phiên tòa, bằng thủ tục trực tiếp, công khai, qua nghe ý kiến và đề xuất của các bên tham gia tố tụng, tòa án (với tư cách là cơ quan tiến hành tố tụng quan trọng nhất) tiến hành xác định sự thật khách quan của vụ án và ra các phán quyết giải quyết vụ án một cách đúng đắn, đầy đủ, khách quan và đúng pháp luật. Ở nước ta, tòa án xét xử theo hai cấp là sơ thẩm và phúc thẩm. Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực ngay và có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị hoặc bản án phúc thẩm sẽ có hiệu lực và được thi hành. Nếu vụ án hình sự xét xử không tuân theo các nguyên tắc tố tụng, thiếu khách quan thì rất dễ dẫn đến oan sai. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa luôn luôn là một nhu cầu, một đòi hỏi cấp thiết khách quan. Việc nghiên cứu hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng phải lấy thủ tục tại phiên tòa là tâm điểm. Việc nghiên cứu xây dựng một hệ thống tố tụng tranh tụng hay hệ thống tố tụng khác có các yếu tố tranh tụng phải được xuất phát trước tiên từ vấn đề tranh tụng tại phiên tòa.

1.2.1. Bản chất, vai trò, ý nghĩa của phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam định nghĩa “*xét xử sơ thẩm là giai đoạn của tố tụng hình sự trong đó tòa án có thẩm quyền tiến hành xem xét giải quyết vụ án, ra bản án, quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật*”. Định nghĩa này chưa làm rõ bản chất của giai đoạn xét xử sơ thẩm và chưa cho thấy sự khác biệt của xét xử sơ thẩm với xét xử phúc thẩm. Theo tác giả, xét xử sơ thẩm là hoạt động tố tụng thực hiện chức năng xét xử của tòa án dưới hình thức phiên tòa xem xét và giải quyết thực chất vụ án hình sự. Xét

xử vụ án một cách thực chất có nghĩa là cơ quan tòa án trên cơ sở các chứng cứ được kiểm tra tại phiên toà đưa ra quyết định về các nội dung truy tố bị cáo có căn cứ, hợp pháp hay không ? Bị cáo có tội hay không có tội, có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không? Chính đây là điểm mấu chốt phân biệt xét xử sơ thẩm với xét xử phúc thẩm. Phiên toà sơ thẩm chỉ có thể tiến hành khi có quyết định truy tố của VKS và khi có đủ điều kiện để tiến hành phiên toà. Đối tượng của phiên toà sơ thẩm là cáo trạng của VKS – những cáo buộc nhân danh nhà nước đối với bị cáo về việc đã thực hiện những hành vi có dấu hiệu của tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS. Tòa án sơ thẩm có trách nhiệm xem xét những nội dung cáo buộc này của bên buộc tội có căn cứ và hợp pháp hay không và thể hiện quyết định của mình trong bản án. Còn phiên toà phúc thẩm chỉ có thể tiến hành trên cơ sở kháng cáo của các bên hoặc kháng nghị của VKS đối với bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Do vậy đối tượng xem xét của phiên toà phúc thẩm không phải là cáo trạng mà là chính bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật đang bị kháng cáo hoặc kháng nghị về tính hợp pháp và tính có căn cứ của nó.

Giai đoạn xét xử sơ thẩm là tổng hợp các quy định của BTTTHS điều chỉnh quá trình thực hiện chức năng xét xử của tòa án tại phiên toà sơ thẩm. Phiên toà sơ thẩm chính là hình thức tổ tụng của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Ý nghĩa của giai đoạn này thể hiện ở chỗ chỉ tại phiên toà sơ thẩm trên cơ sở kết quả xem xét, kiểm tra đánh giá toàn bộ chứng cứ của vụ án bị cáo lần đầu tiên có thể bị thừa nhận là có lỗi (có tội) và phải chịu hình phạt về thực hiện hành vi tội phạm bởi bản án kết tội do tòa án tuyên. Có thể thấy rằng vấn đề lỗi của người bị tình nghi phạm tội, của bị can có thể đã được đề cập ở mức độ giới hạn ở giai đoạn điều tra trong trường hợp cơ quan điều tra, VKS quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án khi có những căn cứ không có tính minh oan cho bị can do luật quy định.

Như vậy, có thể nói nhiệm vụ cơ bản nhất của TTHS là “xử lý kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội” [60, Điều 1], được giải quyết tại phiên tòa sơ thẩm. Các nguyên tắc cơ bản của TTHS cũng thể hiện một cách đậm nét nhất nội dung của mình tại phiên tòa sơ thẩm. Chính vị trí trung tâm của giai đoạn xét xử sơ thẩm quyết định vai trò chủ đạo của nguyên tắc và vì lẽ đó nó được thừa nhận là nguyên tắc cơ bản. Nguyên tắc không cơ bản của TTHS là nguyên tắc mà nội dung của nó chỉ thể hiện ở một giai đoạn nào đó không phải là giai đoạn xét xử sơ thẩm của TTHS. Khi BLTTHS năm 2015 quy định nguyên tắc tranh tụng được bảo đảm, cùng với nó là các nội dung ghi nhận cụ thể nguyên tắc này thì sẽ là tư tưởng định hướng, chỉ đạo trong suốt quá trình thực hiện thủ tục tố tụng hình sự, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng giữa các bên và tính trung tâm, trọng tài của tòa án. Nội dung của nguyên tắc này sẽ được thể hiện đậm nét, tập trung tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, nơi mà các bên có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời cũng là thời điểm mà tòa án thể hiện vai trò trung tâm của mình trong hoạt động tố tụng, thông qua phiên tòa, tòa án sẽ thực hiện chức năng cơ bản của mình là chức năng xét xử để xác định tội phạm và hình phạt.

1.2.2. Nội dung của nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa hình sự sơ thẩm

Theo nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự thì bao giờ cũng có sự tham gia của các bên có quyền và (hoặc) lợi ích trái ngược nhau yêu cầu tòa án phân xử. Để có cơ sở cho tòa án có thể phân xử, pháp luật quy định cho các bên tham gia tố tụng quyền khởi kiện vụ việc ra trước tòa án, chứng minh và tranh luận để bảo vệ yêu cầu của mình.

Tùy theo tính chất vụ án mà chức năng tố tụng, địa vị pháp lý của các bên cũng khác nhau. Tranh tụng trong tố tụng hình sự diễn ra giữa bên buộc tội và bên bào chữa, chủ yếu là giữa công tố với người bào chữa và bị cáo;

trong tố tụng dân sự diễn ra giữa nguyên đơn với bị đơn dân sự. Để những người đó thực hiện việc tranh tụng, pháp luật tố tụng quy định cho họ các quyền và nghĩa vụ tố tụng nhất định. Vì vậy, trong khoa học pháp lý, tranh tụng được phân thành tranh tụng dân sự, tranh tụng kinh tế, tranh tụng hành chính.

Trong tất cả các loại tranh tụng, tòa án là cơ quan thực hiện chức năng xét xử. Tòa án thực hiện chức năng như một trọng tài có địa vị độc lập với các bên để phân xử một cách khách quan, theo pháp luật. Trong tố tụng hình sự, chức năng xét xử của tòa án độc lập với chức năng buộc tội và chức năng bào chữa; trong tố tụng dân sự, kinh tế, tòa án là người đứng ra phân xử giữa bên khởi kiện và bên bị kiện để ra phán quyết về vụ án.

Có thể nói rằng với tính chất là sự tranh luận giữa các bên có quyền và lợi ích khác nhau, tranh tụng luôn luôn có mặt trong các hệ thống tố tụng khác nhau. Bởi vì, mục đích của các hệ thống tố tụng dân chủ, tiến bộ trong thế giới hiện đại là xác định được sự thật và phán quyết về vụ án trên cơ sở quy định của pháp luật. Tuy nhiên, mỗi hệ thống tố tụng lại có phương cách xác định sự thật khác nhau, cơ sở pháp lý khác nhau, nên phạm vi, tính chất và mức độ tranh tụng cũng có những điểm khác nhau. Căn cứ vào phương cách mà tố tụng được thực hiện, cơ sở pháp lý cho việc thực hiện phương cách đó, người ta phân tố tụng tư pháp, đặc biệt là tố tụng hình sự thành các hệ thống khác nhau: hệ thống tranh tụng, hệ thống xét hỏi (hay thẩm vấn) và hệ thống pha trộn. Và trong mỗi hệ thống đó, mức độ tranh tụng cũng khác nhau.

Hệ thống tư pháp nước ta được tổ chức và hoạt động theo truyền thống luật lục địa. Tố tụng nước ta được thực hiện theo hệ thống pha trộn thiên về xét hỏi, thẩm vấn, tức yếu tố xét hỏi trong tố tụng nước ta rõ nét hơn. Việc nghiên cứu bản chất của tranh tụng tại phiên tòa ở nước ta phải được xem xét từ góc độ tranh tụng trong tố tụng xét hỏi.

Hiện nay, trong khoa học pháp lý còn nhiều ý kiến khác nhau về nội dung tranh tụng tại phiên tòa. Có ý kiến cho rằng tại phiên tòa các bên chỉ thực hiện việc tranh luận trong giai đoạn tranh luận, còn xét hỏi là nhiệm vụ của Hội đồng xét xử và Viện kiểm sát [1, tr. 19] . Những người khác lại cho rằng tranh tụng được thực hiện trong hầu hết các giai đoạn của phiên tòa, đặc biệt là trong phần xét hỏi và phần tranh luận. Vì vậy, nếu chỉ thu hẹp việc tranh tụng trong phần tranh luận thì không đạt được các mục đích tranh tụng đặt ra. Để thực sự tham gia vào quá trình chứng minh, các bên tham gia tranh tụng phải được phép đưa ra chứng cứ, thực hiện việc xét hỏi, xem xét vật chứng, để đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện, chứng cứ phải được thu thập, kiểm tra, đánh giá từ góc độ, cách nhìn nhận khác nhau cả của bên nguyên (nguyên đơn, buộc tội) cũng như bên bị (bị đơn, bị cáo). Hơn nữa, theo tổ tụng hình sự của nhiều nước, nhất là các nước theo truyền thống án lệ, phiên tòa không được phân chia rõ rệt thành phần xét hỏi, phần tranh luận thì quan điểm cho rằng tranh tụng chỉ xảy ra trong phần tranh luận là không chính xác [32, tr. 3].

Theo tác giả, nội dung tranh tụng tại phiên tòa bao gồm:

- Đưa ra chứng cứ mới bằng cách yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, đưa ra vật chứng hoặc tài liệu mới. Hồ sơ, chứng cứ được xác lập trong giai đoạn điều tra là rất quan trọng cho việc xét xử tại phiên tòa. Tuy nhiên, các chứng cứ có trong hồ sơ là do các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập, nhiều trường hợp chưa thể đầy đủ và không loại trừ việc thiếu khách quan.

- Thực hiện việc xét hỏi tại phiên tòa: Xét hỏi thực chất là cuộc điều tra chính thức tại phiên tòa để xác định sự thật khách quan của vụ án. Vì vậy, các bên tham gia tố tụng đều có quyền điều tra dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa từ hỏi người khác, xem xét vật chứng, tài liệu. Vì thế cho nên, thủ tục tố tụng quy định quyền thu thập chứng cứ chỉ cho các cơ quan tiến hành tố tụng, quy định gánh nặng xét hỏi cho tòa án, quy định chỉ cho phép một số ít

các bên tham gia xét hỏi (đại diện Viện kiểm sát, luật sư) cần được xem xét lại từ góc độ tranh tụng;

- Phát biểu ý kiến về đánh giá chứng cứ: Qua việc điều tra chính thức, công khai tại phiên tòa, mỗi bên tham gia tố tụng đều có cách nhìn nhận, đánh giá của mình về kết quả chứng minh. Các đánh giá khác nhau, phản biện nhau của các bên tham gia tố tụng tại phiên tòa sẽ giúp cho tòa án khách quan hơn, toàn diện hơn, thận trọng hơn khi đánh giá để ra phán quyết;

- Phát biểu ý kiến về pháp luật áp dụng: Nội dung của tranh tụng trong giai đoạn tranh luận tại phiên tòa bao gồm việc các bên tham gia tố tụng đề nghị áp dụng luật để bảo vệ quan điểm của mình trong giải quyết vụ án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đề nghị biện pháp giải quyết vụ án liên quan đến quyền và lợi ích liên quan. Mỗi bên tham gia tố tụng đều nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, nội dung không thể thiếu trong tranh tụng là các bên đề xuất ý kiến và lập luận trên cơ sở chứng cứ, quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích đó.

Như vậy, *tranh tụng tại phiên tòa là hình thức tố tụng mà trong đó Tòa án thay mặt nhà nước xác định sự thật của vụ án trên cơ sở điều tra công khai tại phiên Tòa, nghe ý kiến của các bên tham gia tố tụng để ra quyết định phán xét giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ và đúng pháp luật.*

Tranh tụng là nguyên tắc quan trọng trong tố tụng nói chung và xét xử nói riêng. Để đảm bảo cho nguyên tắc tranh tụng được thực hiện đầy đủ trong tố tụng nhằm giải quyết đúng đắn, khách quan vụ án, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng, cần thiết phải có một hệ thống các bảo đảm về pháp lý, về tổ chức cũng như về cơ sở vật chất. Về mặt pháp lý thì cần phải có các quy định pháp luật thể hiện rõ ràng địa vị pháp lý của các bên trong tố tụng hình sự (bên buộc tội – bên gỡ tội – tòa án), các quy định pháp

luật phải thể hiện sự bình đẳng của các bên trong việc thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ, thực hiện các thủ tục trong phiên tòa theo nguyên tắc tòa án chỉ là “trọng tài”, phân xử giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật trong TTHS của nước ta đang có xu hướng cải cách để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng. Muốn tạo sự bình đẳng địa vị tố tụng của các bên thì phải đảm bảo nguyên tắc tranh tụng, trước tiên cần ghi nhận và cụ thể hóa nguyên tắc tranh tụng trong các văn bản pháp luật về TTHS.

1.3. Luật sư – Chủ thể tham gia tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm

Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2012 không định nghĩa thế nào là luật sư mà chỉ quy định: Luật sư là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật, thực hiện dịch vụ pháp lý theo yêu cầu của khách hàng; hoạt động nghề nghiệp của luật sư nhằm góp phần bảo vệ công lý, phát triển kinh tế và xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Một người có đủ các tiêu chuẩn sau thì có thể trở thành luật sư: Là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khỏe bảo đảm hành nghề luật sư. Điều kiện hành nghề luật sư: Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật luật sư muốn được hành nghề luật sư phải có chứng chỉ hành nghề luật sư và gia nhập một Đoàn luật sư [62, Điều 2, 3, 10, 11].

1.3.1. Luật sư – Người bào chữa tham gia tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm

Người bào chữa là thuật ngữ chỉ về những người có kiến thức pháp luật và kinh nghiệm hoạt động tố tụng thay mặt thân chủ tham gia tố tụng trong một vụ án hình sự để biện hộ, bảo vệ cho thân chủ của mình nhằm chống lại sự buộc tội, truy tố hoặc một sự tố cáo, giúp làm giảm trách nhiệm hình sự cho thân chủ của họ đồng thời cũng có thể giúp cơ quan có chức

năng làm sáng tỏ các tình tiết vụ án, họ có quyền tranh tụng với các chủ thể khác trong quá trình xử lý vụ án hình sự [33, tr. 5].

Người bào chữa là người tham gia tố tụng với nhiệm vụ và mục đích là làm sáng tỏ những tình tiết của vụ án nhằm giúp chứng minh sự vô tội hoặc giảm nhẹ TNHS cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và giúp người tạm giữ, bị can, bị cáo về mặt pháp lý để bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của họ [33, tr. 8].

Các quan điểm trên chủ yếu mới chỉ nói lên mục đích tham gia tố tụng của người bào chữa mà chưa làm rõ và đầy đủ bản chất, vai trò, địa vị pháp lý của người bào chữa, cũng như chưa phân biệt được người bào chữa với người THPT, với người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Theo tác giả, trên cơ sở các quy định tại các Điều 56, 57, 58 và các quy định khác của BLTTHS năm 2003, có thể đưa ra định nghĩa về người bào chữa như sau: *Người bào chữa là người tham gia TTHS do được mời hoặc được yêu cầu và được cơ quan THPT có thẩm quyền chấp thuận để giúp chứng minh sự vô tội hoặc làm giảm nhẹ TNHS của người bị buộc tội, giúp người bị buộc tội về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ, qua đó góp phần giúp Tòa án giải quyết vụ án một cách nhanh chóng, chính xác, công minh.*

1.3.2. Luật sư – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại tham gia tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Đến nay vẫn chưa có một khái niệm cụ thể về “người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự” trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các quy định pháp luật của TTHS và qua thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự có thể thấy một số đặc điểm của chủ thể này là: Họ cũng là một trong những người tham gia tố tụng; Họ tham gia tố tụng không phải đương nhiên mà do một yêu cầu, thủ tục luật định; Họ căn cứ vào các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người được bảo vệ để làm căn cứ bảo vệ quyền lợi đó trong quá trình tiến hành các hoạt động tố tụng trong vụ án hình sự. Theo

quy định pháp luật Việt Nam hiện hành thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự không bắt buộc phải có mặt trong mọi phiên tòa, họ chỉ có tư cách tham gia phiên tòa khi người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu và được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận [60].

Vì vậy, có thể khái quát *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là người tham gia tố tụng có đủ các điều kiện do pháp luật quy định được bị hại, đương sự nhờ tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự thuộc nhóm “những người tham gia tố tụng” họ có những đặc điểm của người tham gia tố tụng. Ngoài ra, còn do mục đích tham gia tố tụng của họ là hỗ trợ pháp lý cho bị hại, đương sự nên họ còn có những đặc điểm khác biệt:

Thứ nhất, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là 1 người hiểu biết về pháp luật và có khả năng tham gia tố tụng.

Thứ hai, việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự tham gia tố tụng hình sự phụ thuộc vào yêu cầu của bị hại, đương sự.

Thứ ba, mục đích tham gia tố tụng hình sự của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự.

Thực tiễn cho thấy việc tham gia của luật sư với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự trong vụ án hình sự so với việc tham gia vụ án hình sự với tư cách là người bào chữa thì luật sư tham gia với tư cách là người bào chữa nhiều hơn và đạt được nhiều hiệu quả tích cực hơn. Tuy nhiên, việc tham gia bảo vệ người bị hại và các đương sự khác cũng góp phần quan trọng trong việc đảm bảo quyền lợi về dân sự cho họ, ổn định tâm lý của gia đình người bị hại, đương sự và góp phần tạo sự bình đẳng, minh bạch trong hoạt động tố tụng hình sự.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua nghiên cứu một số vấn đề chung về tranh tụng – nguyên tắc cơ bản trong TTTHS và tranh tụng trong phiên tòa hình sự sơ thẩm cho thấy: Tranh tụng là hình thức tố tụng trong giải quyết các vụ án. Phạm vi và nội dung tranh tụng có khác nhau trong các hệ thống pháp luật và các loại án. Thực hiện việc tranh tụng tại phiên tòa và tòa án ra phán quyết trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa là đảm bảo quan trọng cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án, giải quyết vụ án đúng đắn, khách quan. Tranh tụng tồn tại trong tất cả thủ tục tố tụng hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính. Tuy nhiên, mỗi loại án có những đặc trưng khác nhau về yếu tố tranh tụng. Việc tranh tụng được thực hiện trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, nhưng tại phiên tòa là quan trọng nhất. Nội dung tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện cả trong giai đoạn bắt đầu, trong xét hỏi và trong tranh luận. Tùy theo địa vị tố tụng mà người tham gia tố tụng thực hiện nội dung tranh luận khác nhau. Để thực hiện việc tranh tụng, cần thiết phải có một hệ thống các bảo đảm về mặt pháp lý, về mặt tổ chức phù hợp, khả thi trong điều kiện kinh tế, xã hội nước ta hiện nay. Vì vậy, để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự ở nước ta, Bộ luật tố tụng hình sự cần thể hiện được các tư tưởng tranh tụng trong tố tụng xét hỏi như sau:

1. Quy định tranh tụng, bảo đảm sự bình đẳng của các bên tham gia tố tụng trước tòa án là các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự. Các nguyên tắc đó phải được thể hiện đầy đủ trong các quy định cụ thể của Bộ luật tố tụng hình sự: bình đẳng trong quá trình chứng minh (bao gồm thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ), bình đẳng trong bày tỏ quan điểm, đưa ra các yêu cầu và tranh luận trước tòa án v.v...

2. Quy định rõ và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của các bên tham gia tố tụng để họ có đủ cơ sở pháp lý cho việc tranh tụng được thực hiện trên thực tế;

3. Mở rộng phạm vi tham gia tố tụng của người bào chữa cho bị can, bị cáo, người bảo vệ quyền lợi của đương sự để họ có thể thay mặt bị can, bị cáo, đương sự thật sự thực hiện việc tranh tụng trong tố tụng hình sự. Việc mở rộng phạm vi tham gia tố tụng của người bào chữa không đơn thuần là vấn đề người bào chữa tham gia tố tụng vào thời điểm nào như bấy lâu nay vẫn được tranh luận trong khoa học mà quan trọng là người bào chữa có địa vị pháp lý như thế nào để có thể bình đẳng trong tranh tụng với bên buộc tội.

4. Địa vị pháp lý và vai trò của luật sư trong TTHS được thể hiện thông qua những quyền năng pháp lý của luật sư. Thông qua hoạt động bào chữa, tranh tụng tại phiên tòa, luật sư giúp người được bào chữa chứng minh các tình tiết có lợi cho họ như các tình tiết chứng minh bị cáo không phạm tội hoặc các tình tiết làm miễn, giảm TNHS, trách nhiệm bồi thường của bị cáo, qua đó thể hiện vai trò của luật sư là góp phần giúp cho các quyết định tố tụng của các CQTHTT và người THPT được chính xác, đúng quy định, góp phần giải quyết vụ án được nhanh chóng, công minh, khách quan, bảo vệ được các quyền con người, bảo vệ công lý, bảo vệ chế độ, giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật trong xã hội, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và chủ động tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Trong toàn bộ quá trình tố tụng, xét xử đóng vai trò trung tâm, thể hiện đầy đủ bản chất của hệ thống tư pháp của mỗi nước, là giai đoạn quyết định tính đúng đắn, khách quan của việc giải quyết vụ án, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Phiên tòa là giai đoạn trung tâm thể hiện đầy đủ nhất bản chất quá trình tố tụng nói chung và xét xử nói riêng. Phiên tòa có sự tham gia đầy đủ của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng với địa vị pháp lý được xác định. Thông qua phiên tòa, bằng thủ tục trực tiếp, công khai, qua nghe ý kiến và đề xuất của các bên tham gia tố tụng, tòa án tiến hành xác định sự thật khách quan của vụ án và ra các phán quyết giải quyết vụ án một cách đúng đắn, đầy đủ, khách quan và đúng pháp luật. [13, tr1, 2].

Theo các quy định của BLTTHS năm 2003 thì phiên tòa hình sự sơ thẩm trải qua các bước bao gồm: Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa; Phần xét hỏi; Phần tranh luận; Phần nghị án và tuyên án. Cụ thể như sau:

Thủ tục bắt đầu phiên tòa: Quyền đề xuất chứng cứ là quyền quan trọng của các bên tuy nhiên luật chỉ quy định quyền này cho các bên tại thời điểm phiên tòa đã bắt đầu, trước khi xét hỏi. Trong thực tế việc thực hiện quyền này tại phiên tòa có thể dẫn đến hậu quả là Tòa án phải hoãn phiên tòa nếu đáp ứng yêu cầu của các bên, thí dụ như đề nghị triệu tập thêm nhân chứng. Tòa án có thể không muốn hoãn phiên tòa vì phải chuẩn bị triệu tập phiên tòa lại từ đầu mất thêm thời gian nên không chấp nhận những yêu cầu đề xuất

chứng cứ chính đáng của các bên. Tác giả cho rằng để bảo đảm quyền đề xuất chứng cứ của các bên một cách hiện thực hơn cần mở rộng quyền này cho các bên ngay từ giai đoạn trước - giai đoạn chuẩn bị xét xử trước khi mở phiên tòa, và thẩm phán trên cơ sở đề nghị của các bên lập danh sách những người cần được triệu tập có mặt tại phiên tòa kèm theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Thủ tục xét hỏi: Thủ tục này bắt đầu bằng VKS đọc toàn bộ cáo trạng. Thực tế cho thấy có những vụ án lớn riêng thời gian đọc cáo trạng đã mất mấy ngày. Luật nên có quy định mở cho phép VKS trong trường hợp cần thiết có thể không đọc toàn văn cáo trạng mà chỉ đọc tóm tắt cáo trạng, quyền lựa chọn thuộc về VKS.

Trình tự xét hỏi tại điều 207 BLTTHS 2003 ghi nhận vai trò to lớn của Hội đồng xét xử trong thủ tục này. Điều này thể hiện ở quy định Hội đồng xét xử là người xét hỏi đầu tiên, hỏi trước, sau đó mới đến VKS và người bào chữa. Hội đồng xét xử cũng là người quyết định thứ tự xét hỏi và những vấn đề cần xét hỏi.

Thủ tục tranh luận: Trong thủ tục này có hai điểm mới so với BLTTHS 1988 là quy định về nghĩa vụ đối đáp của KSV và quy định chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận của các bên, có nghĩa vụ tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến của mình và chỉ có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án [68, Điều 218]. Ý kiến của tác giả cho rằng nếu trình bày ý kiến tranh luận là quyền của các bên thì về logic, đối đáp cũng phải là quyền của các bên chứ không phải là nghĩa vụ. Luật cũng ghi nhận “người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác”. Tuy nhiên đoạn cuối của Điều 218 lại không phù hợp với tinh thần này khi cho phép Tòa án đề nghị VKS “*phải*” đáp lại ý kiến của bên bào chữa mà chưa được KSV tranh luận. Quy định này biến đối đáp trở thành nghĩa vụ của KSV chứ không còn là quyền nữa. Bản thân tính tranh tụng của phiên tòa sẽ là động lực chủ yếu buộc các bên phải tranh luận, trong đó có đối

đáp tích cực để bảo vệ quan điểm lập trường của mình và hướng đến mục tiêu cuối cùng là thuyết phục Tòa án chấp nhận quan điểm của mình chứ không cần đến bất kỳ quy định nào về nghĩa vụ tranh luận hay đối đáp, không cần đến ai đó phải nhắc nhở hay yêu cầu các bên tranh luận, đối đáp. Trong trường hợp này Tòa án chỉ nên hỏi ý kiến các bên có còn ý định đối đáp hay không để quyết định kết thúc thủ tục tranh luận hay tiếp tục tranh luận.

Thủ tục nghị án và tuyên án: Điều 222 BLTTHS quy định một số nguyên tắc sau: Quyền nghị án chỉ thuộc về thành viên Hội đồng xét xử; Nghị án theo cách biểu quyết từng vấn đề một của vụ án và theo đa số. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa biểu quyết sau cùng. Người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến bằng văn bản và đưa vào hồ sơ vụ án; Khi nghị án phải có biên bản ghi lại các ý kiến đã thảo luận và quyết định của Hội đồng xét xử. Biên bản do các thành viên Hội đồng xét xử ký tại phòng nghị án trước khi tuyên án.

Trên cơ sở phân tích các quy định của BLTTHS 2003 có thể thấy rằng phiên tòa sơ thẩm trong BLTTHS 2003 đã có nhiều nội dung tiến bộ nhưng chưa thực sự là phiên tòa tranh tụng cả về hình thức cũng như về nội dung, chưa đáp ứng yêu cầu của Cải cách tư pháp. Những hạn chế về điều chỉnh pháp luật là nguyên nhân chính dẫn đến những kết quả còn khiêm tốn “việc tranh tụng tại phiên tòa bước đầu đạt được một số kết quả tích cực” nhưng chưa có những thay đổi có tính đột phá trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự ở nước ta trong suốt thời gian BLTTHS 2003 có hiệu lực đến nay.

2.2. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về hoạt động của luật sư tại phiên tòa sơ thẩm

Hoạt động của luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm được nghiên cứu tập trung ở hai tư cách tham gia tố tụng của luật sư là người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo (luật sư tham gia tố tụng với tư cách là chủ thể của bên gỡ tội) và luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị

hại, đại diện của người bị hại (cùng với kiểm sát viên, luật sư tham gia với tư cách là chủ thể của bên buộc tội).

2.2.1. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về hoạt động của luật sư – Người bào chữa trong quá trình xét xử sơ thẩm và tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm

Hoạt động của luật sư với vai trò là người bào chữa trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự được thể hiện thông qua việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, cụ thể như sau:

- Quyền và nghĩa vụ của luật sư - Người bào chữa tại phiên tòa

*** *Quyền của luật sư - Người bào chữa tại phiên tòa***

Luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự với tư cách là người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trên cơ sở các quyền và nghĩa vụ được quy định cụ thể tại Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành (năm 2003). Trong đó, quyền của luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa trong TTHS được quy định tập trung tại các Điều 56, 58 BLTTHS năm 2003, ngoài ra, còn được quy định rải rác tại các điều khoản khác trong BLTTHS năm 2003 như quy định về quyền bình đẳng trước Tòa án (Điều 19), các quy định về nghĩa vụ từ chối tham gia với tư cách là người giám định, người phiên dịch (Điều 60, 61), quyền được giao quyết định đưa vụ án ra xét xử (Điều 182), được tiếp xúc với bị cáo tại phiên tòa (Điều 188), quyền gửi trước bản bào chữa cho Tòa án (Điều 190), quyền trình bày nhận xét của mình về các tài liệu được xem xét tại phiên tòa, về nơi đã xảy ra tội phạm hoặc những địa điểm khác có liên quan đến vụ án, về kết luận giám định (Điều 213, 214, 215), được Tòa án giao bản án (Điều 229)... , các quy định trong Luật Luật sư.

Về thời điểm tham gia bào chữa của luật sư: Luật sư có quyền tham gia tố tụng để bào chữa từ khi khởi tố bị can hoặc từ khi có quyết định

tạm giữ trong trường hợp bắt người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã, bắt người trong trường hợp khẩn cấp; trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia thì luật sư có thể tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra [60, Điều 58].

Luật sư có thể tham gia theo đề nghị của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người thân thích của họ hoặc tham gia theo yêu cầu của cơ quan THTT. Luật sư có thể bào chữa cho nhiều người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong cùng một vụ án, nếu quyền và lợi ích của họ không đối lập nhau; nhiều luật sư có thể cùng bào chữa cho một người bị tạm giữ, bị can, bị cáo [60, Điều 56].

Luật sư có quyền "đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch" trong trường hợp có căn cứ cho rằng họ không khách quan trong khi thực hiện nhiệm vụ. Đây không phải chỉ là quyền của bị can, bị cáo mà còn là quyền của luật sư và luật sư được thực hiện quyền này trong tất cả các giai đoạn của quá trình tố tụng.

Quyền thu thập tài liệu, đồ vật có liên quan đến việc bào chữa: Để thực hiện việc bào chữa, luật sư có quyền thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa. Luật sư có thể thu thập từ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân nếu không thuộc bí mật Nhà nước, bí mật công tác. Khi đã thu thập được, luật sư có quyền đưa ra các tài liệu, đồ vật, yêu cầu đối với các CQTHTT [60, Điều 58].

Quyền đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ: Sau khi kết thúc điều tra, luật sư có quyền đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa [60, Điều 58]. Thông qua việc đọc, ghi chép và sao chụp tài liệu, luật sư sẽ nắm bắt được đầy đủ, chính xác các

tình tiết của vụ án, các căn cứ buộc tội mà CQĐT và VKS áp dụng đối với bị can, bị cáo để từ đó tìm ra các chứng cứ gỡ tội hoặc giảm nhẹ TNHS cho họ.

Quyền gặp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo: Nhằm tạo điều kiện cho luật sư thực hiện tốt chức năng bào chữa của mình, pháp luật cho phép luật sư có quyền gặp người bị tạm giữ, gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam. Đây là quyền rất quan trọng của luật sư. Để thu thập tài liệu, chứng cứ phục vụ việc bào chữa, luật sư không chỉ nghiên cứu, sao chép hồ sơ vụ án đã được các CQTHTT thu thập mà một trong những nguồn chứng cứ đặc biệt quan trọng giúp luật sư bào chữa tốt có từ chính bị can, bị cáo.

Quyền tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa: Tại phiên tòa, các chức năng buộc tội, gỡ tội và xét xử được thực hiện đồng thời và rõ nét nhất nên luật sư có quyền tham gia hỏi, tranh luận và có quyền bình đẳng với KSV, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của họ, người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong việc đưa ra các chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận dân chủ trước Tòa án [68, Điều 19, 58].

Như vậy, với việc quy định các quyền nêu trên cho luật sư, pháp luật TTHS đã ghi nhận một cách chính thức các đảm bảo để người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa (trong đó bao gồm cả quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa) của mình, đồng thời tạo hành lang pháp lý để luật sư thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của mình trong quá trình tham gia bào chữa cho bị can, bị cáo, bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp cho họ, hạn chế sự tùy tiện, lạm quyền của các CQTHTT và người THTT trong quá trình giải quyết vụ án.

- Nghĩa vụ của luật sư - Người bào chữa tại phiên tòa

Bên cạnh việc quy định các quyền của luật sư khi tham gia bào chữa, pháp luật cũng quy định cho họ phải có những nghĩa vụ nhất định. Nghĩa vụ của luật sư khi tham gia bào chữa được quy định tập trung tại Điều 58

BLTTHS, như sau: Giúp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ; Nghĩa vụ tôn trọng sự thật và pháp luật, không được mua chuộc, cưỡng ép hoặc xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; Có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; Không được sử dụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơ vụ án vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân [60, Điều 58]; Sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị buộc tội vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; Giúp người bị buộc tội về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ; Không được từ chối bào chữa cho người bị buộc tội mà mình đã đảm nhận bào chữa nếu không vì lý do bất khả kháng hoặc không phải do trở ngại khách quan...

- Tranh tụng của luật sư tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Phiên tòa xét xử vụ án hình sự là giai đoạn quan trọng nhất, là trọng tâm của toàn bộ quá trình giải quyết VAHS. Thông qua hoạt động xét xử, Tòa án xác định bị cáo có phạm tội hay không phạm tội, phạm tội gì, mức độ TNHS và trách nhiệm khác của bị cáo đến đâu..., nhằm phát hiện nhanh chóng, chính xác sự thật khách quan của vụ án và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Toàn bộ các kết quả của hoạt động tố tụng trước đó được sử dụng để HĐXX làm việc tại phiên tòa, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn công khai và tranh luận tại phiên tòa, HĐXX sẽ ra bản án, quyết định nhằm kết thúc quá trình giải quyết VAHS.

Phiên tòa được bắt đầu từ khi khai mạc phiên tòa và kết thúc khi HĐXX tuyên bản án hoặc ra quyết định đình chỉ vụ án và trải qua các phần là: phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần thủ tục xét hỏi tại phiên tòa, phần tranh luận tại phiên tòa, nghị án và tuyên án.

Trong phiên tòa, vai trò của luật sư được thể hiện chủ yếu và tập trung nhất tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa. Phần tranh luận tại phiên tòa là thời điểm thể hiện rõ nét nhất hoạt động tranh tụng của luật sư.

** Hoạt động tranh tụng của luật sư trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa*

Mặc dù pháp luật quy định phần thủ tục bắt đầu phiên tòa do những người THPT thực hiện, chưa phải là lúc mà luật sư đối đáp, tranh luận với các bên. Tuy nhiên, trong thời gian này luật sư cần phải đặc biệt lưu ý và hết sức tập trung để thực hiện các công việc cần thiết phục vụ cho việc bào chữa. Luật sư cần theo dõi thủ tục tố tụng trong phần bắt đầu phiên tòa có được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hay không. Luật sư cần lắng nghe xem nội dung của quyết định đưa vụ án ra xét xử được Chủ tọa phiên tòa đọc tại phiên tòa có đúng với nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử mà mình và bị cáo đã được nhận không, trong danh sách những người được triệu tập tham gia phiên tòa có thiếu ai không.

Nếu phát hiện có căn cứ cho rằng KSV hoặc thành viên HĐXX, người giám định, người phiên dịch không vô tư, khách quan trong khi thực hiện nhiệm vụ tại phiên tòa thì luật sư có quyền đề nghị HĐXX xem xét thay đổi để tránh việc giải quyết vụ án một cách phiến diện, có thể dẫn tới oan, sai, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người khác. Trong trường hợp xét thấy không cần thiết phải hoãn phiên tòa mà có người tham gia tố tụng đề nghị hoãn phiên tòa thì luật sư cần nêu quan điểm để thuyết phục HĐXX tiếp tục làm việc.

** Hoạt động tranh tụng của luật sư thể hiện trong phần xét hỏi*

Việc xét hỏi tại phiên tòa thực chất là hoạt động điều tra công khai với sự tham gia của những người THPT và những người tham gia tố tụng, của cả bên buộc tội và bên gỡ tội nhằm kiểm tra các tài liệu, đồ vật thu thập được ở

các giai đoạn tố tụng trước đó, thu thập thêm những chứng cứ mới do các bên đưa ra tại phiên tòa nhằm làm sáng tỏ sự thật của vụ án.

Theo quy định thì trình tự xét hỏi tại phiên tòa được thực hiện như sau: Chủ tọa hỏi trước rồi mới đến các Hội thẩm, sau đó đến KSV, rồi mới đến người bào chữa [60, Điều 207]. Trình tự hỏi này gần như chưa thấy có sự thay đổi trong quy định mới đây của BLTTHS năm 2015. Trình tự hỏi như vậy sẽ không thể hiện được tính ưu việt của nguyên tắc tranh tụng. Việc quy định Thẩm phán có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi xét xử, quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung và điều hành việc xét hỏi, thực hiện thủ tục chủ yếu xét hỏi trong quy định của BLTTHS năm 2003 đã tạo ra sự thiếu khách quan trong việc đánh giá chứng cứ, làm giảm hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa. Hạt nhân hợp lý trong mô hình tố tụng tranh tụng là thẩm phán không được nghiên cứu hồ sơ trước và việc xét hỏi được giao cho bên buộc tội và bên gỡ tội, thẩm phán chỉ hỏi những nội dung còn mâu thuẫn hoặc thật sự cần thiết... Những quy định như vậy sẽ nâng cao được nguyên tắc tranh tụng, đảm bảo được sự khách quan trong phán quyết của tòa án.

Việc hỏi tại phiên tòa của luật sư rất quan trọng, nhưng trên thực tế luật sư thường bị hạn chế quyền này. Bộ luật tố tụng năm 2003 và kể cả các quy định mới của BLTTHS năm 2015 vẫn quy định là chủ tọa điều hành việc xét hỏi theo một thứ tự hỏi từ Hội đồng xét xử, đến kiểm sát viên rồi mới đến luật sư và những người khác. Quy định như vậy vẫn chưa đảm bảo phát huy nguyên tắc tranh tụng. Luật sư hỏi sau cùng sẽ không tránh khỏi lặp lại về mặt nội dung, dễ dẫn đến chủ tọa cắt hoặc có ý kiến làm vai trò tranh tụng của luật sư bị ảnh hưởng.

Tùy theo diễn biến của phiên tòa, luật sư có thể đề nghị HĐXX xem xét vật chứng, hỏi những người có liên quan để làm rõ những vấn đề chưa rõ ràng; khi cần thiết, luật sư có thể đề nghị xem xét tại chỗ những vật chứng không thể đưa đến phiên tòa. Luật sư có thể đề nghị HĐXX xem xét

các chứng cứ mới hoặc công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có lợi cho thân chủ của mình khi lời khai của người được xét hỏi tại phiên tòa có mâu thuẫn với lời khai của họ tại CQĐT... Trên cơ sở kết quả của việc hỏi tại phiên tòa, luật sư cần kịp thời điều chỉnh, bổ sung vào bản luận cứ bào chữa những lập luận cần thiết cho phù hợp.

Như vậy, có thể nói, việc xét hỏi tại phiên tòa là hoạt động tố tụng rất quan trọng, qua đó có thể làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, đồng thời tạo điều kiện cho luật sư đưa ra quan điểm của mình để bảo vệ cho bị cáo. Tuy nhiên, thứ tự xét hỏi chưa hợp lý, chưa đảm bảo được nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa, vì vậy cần tiếp tục có những sửa đổi, bổ sung chế định này cho phù hợp với công cuộc cải cách tư pháp hiện nay, đảm bảo nâng cao vai trò tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự.

**** Hoạt động tranh tụng của luật sư trong phần tranh luận tại phiên tòa***

Trong quá trình xét xử, việc tranh luận tại phiên tòa là rất quan trọng, trên cơ sở đó những người THPT và người tham gia tố tụng kiểm tra được giá trị chứng minh của các tài liệu buộc tội, gỡ tội, giúp cho quá trình giải quyết vụ án được chính xác, khách quan, đúng pháp luật. Tranh luận tại phiên tòa thể hiện tập trung nhất hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự. Việc tranh luận được bắt đầu sau khi kết thúc phần xét hỏi, KSV trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn... Đây là thời điểm vai trò của luật sư được thể hiện rõ nét nhất bởi "việc xét xử của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo..." [2].

Những người có quyền tham gia tranh luận tại phiên tòa gồm có KSV, người bào chữa, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự,

người có quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến vụ án... Tuy nhiên, trên thực tế, những người tham gia tranh luận tại phiên tòa chủ yếu là KSV, bị cáo và luật sư bào chữa. Trong đó, KSV là bên buộc tội còn bị cáo và luật sư là bên gỡ tội. Khi tham gia tranh luận, luật sư bày tỏ các quan điểm bào chữa của mình để bảo vệ bị cáo. Có thể nói, tranh luận tại phiên tòa chính là phương tiện hữu hiệu để luật sư bảo vệ cho bị cáo thông qua việc phân tích, đưa ra các lập luận, lý lẽ sắc bén, có sức thuyết phục. Tranh luận là quyền quan trọng nhất của luật sư tại phiên tòa, là hoạt động sử dụng các kết quả của những bước chuẩn bị trước đó của luật sư để bảo vệ cho bị cáo. Tranh luận cũng là hoạt động giúp cho HĐXX được nghe một cách đầy đủ nhất ý kiến của đại diện VKS và những người tham gia tố tụng khác về việc giải quyết vụ án.

Đây là lúc thể hiện rõ nhất quyền bình đẳng của các bên buộc tội và bên gỡ tội vì KSV, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của họ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận dân chủ trước Tòa án; Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền đó nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án [68, Điều 19]. Điều 218 BLTTHS năm 2003 quy định “Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những vấn đề không liên quan đến vụ án”.

Như vậy, việc “đáp lại ý kiến của người khác” là quyền chứ không phải là “nghĩa vụ” vì vậy trong thực tiễn xét xử, nhiều Kiểm sát viên đã thực hiện cái quyền này để “giữ nguyên quan điểm”, không đối đáp, tranh luận gì với luật sư khiến việc tranh tụng tại phiên tòa không mang lại hiệu quả tốt. Ngoài

ra, những ý kiến trình bày của luật sư cũng thường bị chủ tọa phiên tòa cắt với lý do “không liên quan đến vụ án”... Tuy nhiên, nội dung trình bày này có liên quan hay không thì chỉ có chủ tọa mới được quyền quyết định. Vì vậy, pháp luật TTTHS nên được sửa đổi theo hướng buộc KSV phải đáp lại những quan điểm, ý kiến của luật sư, bởi đây là trách nhiệm của KSV, trong trường hợp không đáp lại được những ý kiến, quan điểm của luật sư thì HĐXX ghi nhận ý kiến của luật sư là có cơ sở, cần được xem xét, bởi trong trường hợp những tài liệu, chứng cứ không đủ cơ sở pháp luật để buộc tội thì phải áp dụng có lợi cho bị cáo.

Qua sự phân tích nêu trên có thể khẳng định tại phiên tòa XXST VAHS, hoạt động tranh tụng của luật sư là hết sức quan trọng là hình thức thể hiện vai trò của luật sư trong vụ án hình sự. Cũng tại phiên tòa, luật sư có điều kiện tốt nhất để bào chữa, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo. Kết quả bào chữa cho bị cáo phụ thuộc nhiều vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa của luật sư với vai trò của người bào chữa. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung một số các quy định của BLTTHS để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng, nâng cao hơn nữa vai trò, vị trí của bên gỡ tội trong vụ án hình sự.

2.2.2. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về hoạt động của luật sư – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại tại phiên tòa sơ thẩm

- Người bị hại và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại

Người bị hại là một trong những người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Việc tham gia tố tụng của người bị hại không chỉ nhằm bảo vệ, khôi phục những quyền và lợi ích hợp pháp của họ đã bị hành vi phạm tội xâm hại mà còn góp phần quan trọng vào việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Theo quy định của pháp luật, "người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra"

[60, Điều 51]. Với quy định này, người bị hại thường được hiểu là "con người cụ thể bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại. Thế chất, tinh thần, tài sản của họ phải là đối tượng của tội phạm" [52].

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Ngoài việc tham gia phiên tòa hình sự với vai trò là người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo (bên gỡ tội) thì luật sư còn có thể tham vụ án hình sự nói chung và tham gia phiên tòa hình sự nói riêng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (đứng về phía bên buộc tội cùng với VKS, Người bị hại, Nguyên đơn dân sự). Khi tham gia phiên tòa hình sự với tư cách pháp lý này thì mục tiêu và hoạt động của luật sư khác với việc tham gia với tư cách là người bào chữa. Hiện nay chưa có khái niệm cụ thể về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, mà chỉ có những quy định về quyền và nghĩa vụ cụ thể của chủ thể này tại Điều 59 BLTTHS năm 2003.

- Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về hoạt động của luật sư trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại

Hoạt động của luật sư trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại được quy định phân tán trong Bộ luật tố tụng hình sự, chủ yếu tập trung ở Chương IV – Người tham gia tố tụng (Điều 51, Điều 59); Chương XI, Chương XIII và phần thứ ba, phần thứ tư của BLTTHS. Theo đó, có các điều luật quy định về người bị hại, quyền và nghĩa vụ của người bị hại. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, quyền và nghĩa vụ của NBV QVLIHP cho người bị hại; thủ tục tham gia của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại. Những quy định pháp luật này phần nào đã góp phần tạo cơ sở pháp lý để luật sư tham gia vụ án hình sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, đại diện gia đình người bị hại, góp phần làm sáng tỏ nội dung vụ án, động viên tinh thần và bảo đảm quyền lợi hợp pháp về dân sự, quyền lợi về tố tụng cho phía người bị hại.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc luật sư tham gia vụ án hình sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại chưa nhiều, chỉ chiếm khoảng 5-6% vụ án hình sự. Việc tham gia của luật sư trong những vụ án này đôi khi chưa phát huy hết vai trò tranh tụng, chưa phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền trong việc tranh tụng liên quan tới nội dung vụ án khiến luật sư có thể bị động tại phiên tòa khi Hội đồng xét xử hạn chế nội dung tham gia xét hỏi, tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại.

Trong quá trình thực hiện thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng cũng chưa thực sự coi trọng và đảm bảo thực hiện các quyền của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khiến vai trò của họ bị mờ nhạt, chưa đảm bảo hết quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại. Vì vậy, cần phải có những sửa đổi, bổ sung đối với những chế định này để khi luật sư tham gia vụ án với vai trò là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự thì vai trò tranh tụng vẫn được đề cao, góp phần làm sáng tỏ nội dung vụ án, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo vệ đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại.

2.3. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm tại thành phố Hà Nội

2.3.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về hoạt động của luật sư - Người bào chữa trong phiên tòa hình sự sơ thẩm

Hà Nội là thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là thành phố lớn nhất Việt Nam về diện tích với 3328,9 km² sau đợt mở rộng hành chính năm 2008, đồng thời cũng là địa phương đứng thứ nhì về dân số với 7.588.150 người (năm 2015). Hà Nội nằm giữa đồng bằng Sông Hồng trù phú, nơi đây đã sớm trở thành 1 trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa, là trung tâm kinh tế - xã hội đặc biệt quan trọng của Việt Nam. Ngày 1/8/2008

Hà Nội mở rộng địa giới hành chính, toàn bộ địa giới của Hà Tây sáp nhập vào thủ đô Hà Nội. Hà Tây có diện tích khoảng 2.193 km², dân số khoảng 2.470.000 người (năm 2003). Sau đợt mở rộng địa giới hành chính, Hà Nội hiện nay gồm 12 quận, 1 thị xã và 17 huyện ngoại thành.

Hệ thống tòa án ở Hà Nội bao gồm 32 tòa án, cụ thể có tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, tòa án quân sự thủ đô Hà Nội, các tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã gồm, các tòa án quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Long Biên, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Xuân, Hà Đông, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm; 17 tòa án huyện: Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Mê Linh, Mỹ Đức, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thạch Thất, Thanh Oai, Thanh Trì, Thường Tín, Ứng Hòa, và 1 tòa án thị xã: TAND TX Sơn Tây. Ngoài ra trên địa bàn thành phố Hà Nội còn có tòa án nhân dân tối cao, tòa án nhân dân cấp cao và tòa án quân sự trung ương.

Lực lượng luật sư hoạt động tham gia tố tụng trong các phiên tòa tại Hà Nội chủ yếu là luật sư thuộc Đoàn luật sư Hà Nội, ngoài ra có các luật sư tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận Hà Nội cũng thường xuyên tham gia tố tụng trong vụ án hình sự tại tòa án trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Hiện nay, đội ngũ luật sư Việt Nam đã phát triển nhanh chóng về số lượng và chất lượng ngày càng được nâng cao. Hiện nay, trên cả nước, khắp các tỉnh thành đều có Đoàn luật sư để tổ chức, quản lý hoạt động nghề nghiệp luật sư. Liên đoàn luật sư Việt Nam được thành lập từ năm 2009 cũng đã có vai trò quan trọng trong việc quản lý, điều hành, quy tụ đội ngũ luật sư trong cả nước, góp phần thúc đẩy hoạt động nghề nghiệp luật sư.

Theo số liệu thống kê tại đại hội đại biểu luật sư lần thứ II tại Hà Nội ngày 17/4/2015 chủ tịch liên đoàn luật sư Việt Nam- Lê Thúc Anh cho biết, tại thời điểm liên đoàn thành lập, cả nước có 5300 luật sư, đến cuối năm 2014, tổng số luật sư của cả nước là 8928 luật sư (tăng hơn 40%). Số liệu do Cục Bỏ

trợ tư pháp (Bộ tư pháp) cung cấp cho thấy, tính đến ngày 31/12/2014, cả nước có 9.375 luật sư, tăng 15% so với năm 2013 và tăng 23% so với năm 2012.

Bảng số liệu về số lượng luật sư và tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn cả nước từ năm 2007 đến năm 2014

Năm	Số lượng tổ chức hành nghề luật sư	Số lượng luật sư
2007	797	2.173
2008	935	2.690
2009	1.107	5.714
2010	2.690	5.892
2011	2.833	7.201
2012	3.055	7.622
2013	3.387	8.156
2014	3417	9375

Nguồn: Bộ Tư pháp.

Đoàn luật sư Hà Nội được thành lập từ năm 1984, từ chỗ chỉ có 16 luật sư thành viên đầu tiên, đến nay đội ngũ Luật sư tại Hà Nội cũng đã phát triển nhanh chóng về cả số lượng và chất lượng. Tính đến tháng 8/2016 Đoàn luật sư thành phố Hà Nội có đến 2.913 luật sư thành viên, trong đó có 04 Giáo sư, 06 Phó Giáo sư, 73 Tiến sĩ, 296 Thạc sĩ và 2.536 Cử nhân luật, có 997 tổ chức hành nghề luật sư. Như vậy, tỷ lệ luật sư/ dân số vào khoảng 1/2666, Hà Nội là thành phố có số lượng luật sư đông thứ 2 cả nước, sau thành phố Hồ Chí Minh.

- Tranh tụng của luật sư trong phiên tòa hình sự sơ thẩm tại Hà Nội

Trong thời gian qua, số lượng các vụ án hình sự có luật sư tham gia bào chữa cũng ngày càng tăng. Theo thống kê của liên đoàn luật sư Việt Nam, từ tháng 5/2009 đến đầu năm 2015, các luật sư tham gia bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, cung cấp dịch vụ pháp lý cho các cá nhân, tổ chức cho 77129 vụ án hình sự. Theo thống kê số lượng án của tòa án nhân dân tối cao,

năm 2013 số lượng vụ án hình sự xét xử sơ thẩm của cả nước là 68751 vụ án, tăng 2,05% so với năm 2012, tăng 5,02% so với năm 2009.

Tại tòa án Thành phố Hà Nội, số liệu các vụ án thụ lý năm 2015 là 8887 vụ với 14931 bị cáo, giải quyết 8702 vụ với 14479 bị cáo. Tổng từ năm 2011 đến 2015, ngành tòa án tại thành phố Hà Nội đã thụ lý 45162 vụ với 80333 bị cáo, trong đó giải quyết 44977 vụ với 79.881 bị cáo.

Bảng số liệu giải quyết các vụ án hình sự của TAND thành phố Hà Nội từ 2011-2015

SỐ LIỆU ÁN HÌNH SỰ SƠ THẨM								
NĂM	QUẬN, HUYỆN				THÀNH PHỐ HÀ NỘI			
	Thụ lý		Giải quyết		Thụ lý		Giải quyết	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	6,972	12,828	6,948	12,757	1,537	2,665	1,504	2,561
2012	7,892	14,575	7,868	14,490	1,646	3,309	1,622	3,226
2013	7,580	12,985	7,523	12,851	1,798	3,408	1,747	3,260
2014	7,255	12,758	7,224	12,675	1,887	3,766	1,839	3,582
2015	7,346	11,992	7,204	11,724	1,541	2,939	1,498	2,755
Tổng	36,909	64,765	36,767	64,497	8,409	16,087	8,210	15,384

Nguồn: TAND thành phố Hà Nội.

Như vậy, có thể khẳng định trong thời gian qua đội ngũ luật sư đã tham gia tích cực vào việc bào chữa trong giai đoạn XXST VAHS và đã đạt được những kết quả nhất định, thể hiện vai trò ngày càng quan trọng của luật sư trong quá trình giải quyết VAHS, góp phần xác định sự thật khách quan của vụ án, giúp Tòa án xét xử đúng người, đúng tội, áp dụng đúng pháp luật, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo.

Trong những năm qua, hoạt động bào chữa của đội ngũ luật sư trong giai đoạn XXST VAHS đã đạt được những thành tựu nhất định nhưng

vẫn còn có những hạn chế, tồn tại, bắt nguồn từ nguyên nhân chủ quan và khách quan, cụ thể như sau:

Thứ nhất, số VAHS có luật sư tham gia bào chữa còn rất hạn chế. Theo Báo cáo số 46/BC-BTP ngày 06/3/2012 của Bộ Tư pháp thì cho đến nay mới chỉ có khoảng 21,42% tổng số VAHS trong cả nước có luật sư tham gia bào chữa. Trong 5 năm từ 2007 - 2011, luật sư đã tham gia 64.173 vụ án trên tổng số 299.574 VAHS đã xét xử. Phần lớn các vụ án (chiếm hơn 50%) là luật sư tham gia bào chữa do yêu cầu của CQTHTT [2]. Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có đội ngũ luật sư đông đảo nhất và có số vụ án có luật sư tham gia bào chữa lớn nhất so với cả nước nhưng cũng chỉ đạt khoảng 40% số VAHS có luật sư tham gia bào chữa. Theo Báo cáo công tác xét xử năm 2015 của TAND thành phố Hà Nội thì tỷ lệ luật sư tham gia bào chữa trong vụ án hình sự tại Hà Nội chỉ đạt 15% số vụ án được xét xử.

Qua nghiên cứu thực tiễn xét xử trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng số lượng vụ án có luật sư tham gia tranh tụng không nhiều như sau:

- Số lượng luật sư trên cả nước nói chung, luật sư tại thành phố Hà Nội nói riêng chưa nhiều: Hiện nay, trên cả nước chưa đến 10.000 luật sư, Hà Nội chưa tới 3000 luật sư. Tỷ lệ luật sư/ dân số tại Hà Nội chỉ đạt khoảng 1/2666, thấp hơn nhiều so với tỉ lệ luật sư trên thế giới và khu vực. Chính vì vậy cơ hội lựa chọn luật sư không nhiều, hoạt động hành nghề luật sư chưa tạo ra được môi trường pháp lý thuận lợi cho các dịch vụ của luật sư phát triển trong xã hội.

- Người dân chưa có thói quen sử dụng dịch vụ pháp lý: Xuất phát từ các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử mà người dân Miền Bắc nói chung và người dân Hà Nội nói riêng chưa tạo được thói quen sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư, trong đó có dịch vụ tham gia tố tụng. Dịch vụ luật sư riêng chưa phát triển, nhiều người dân chưa hiểu hết vị trí, vai trò của luật sư trong

hoạt động tố tụng nói chung, tố tụng hình sự nói riêng nên hầu hết các vụ án hình sự thì người bị buộc tội cũng như bên bị hại có tâm lý e ngại tìm đến luật sư, thường họ tự mình tham gia tranh tụng hoặc nhờ vả người khác tư vấn, giúp đỡ. Chỉ số ít người hiểu biết về dịch vụ pháp lý của luật sư và có nhu cầu nhờ luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự.

- Những cản trở của người tiến hành tố tụng: Khi luật sư tham gia bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong vụ án hình sự thì cũng gặp nhiều trường hợp người tiến hành tố tụng cản trở, gây khó khăn cho việc thực hiện thủ tục tham gia tố tụng, đặc biệt là ngay từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Việc cản trở này đã làm giảm đáng kể lượng luật sư tham gia tố tụng. Hành vi cản trở thể hiện ở nhiều dạng như tác động tâm lý với người bị tạm giữ, bị can bị cáo là luật sư không có vai trò gì, mời luật sư rất tốn kém... Khi gia đình mời luật sư cho bị can đang bị tạm giam thì bị gây áp lực, ép buộc phải từ chối luật sư. Luật sư Nguyễn Công Thành, Đoàn luật sư Hà Nội cho biết trong quá trình hành nghề anh đã gặp nhiều trường hợp cán bộ điều tra, người tiến hành tố tụng cản trở, gây áp lực để từ chối luật sư tham gia bào chữa, gần đây nhất là vụ việc xảy ra tại Hoài Đức, Hà Nội trong vụ án gây rối trật tự công cộng. Luật sư Trần Quang Mỹ, Đoàn luật sư Hà Nội cũng cho biết, ông hành nghề luật sư gần 30 năm nay, trường hợp người tiến hành tố tụng tác động tâm lý để bị can từ chối luật sư bào chữa là chuyện xảy ra như cơm bữa. Nhiều người tiến hành tố tụng có suy nghĩ lạc hậu là có luật sư tham gia vụ án thì sẽ gặp khó khăn, trở ngại hoặc tâm lý giấu dốt... nên thường có những tác động, gây áp lực với bị can, bị cáo để không mời luật sư hoặc từ chối luật sư, không cho luật sư tham gia tố tụng. Luật sư Trần Quang Mỹ cho rằng, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam chưa cởi mở trong thủ tục tham gia tố tụng, thêm vào đó là tâm lý “ngại luật sư” của không ít người tiến hành tố tụng dẫn đến số lượng luật sư tham gia bào chữa trong vụ án hình sự mới khiêm tốn đến thế.

Theo quy định tại Điều 57, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì chỉ có bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người nhược điểm về thể chất và người bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở tội có khung hình phạt cao nhất là tử hình thì mới bắt buộc phải có người bào chữa (chỉ định người bào chữa). Tuy nhiên, trong trường hợp này, nếu người bị buộc tội vẫn từ chối thì người bào chữa theo chỉ định cũng không thể tham gia tố tụng, vì vậy nhiều trường hợp quy định bào chữa theo chỉ định này không không phát huy tác dụng trong thực tiễn tranh tụng. Nếu có tham gia thì chất lượng của luật sư bào chữa theo chỉ định của cơ quan tố tụng cũng không cao do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Khoản 1, Điều 57 BLTTHS quy định “Người bào chữa do người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ lựa chọn”. Vì vậy, khi người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam, tạm giữ thì khó có thể liên hệ được với luật sư để yêu cầu tham gia bào chữa. Khi người thân thích của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo mời luật sư tham gia bào chữa cho người đang bị tạm giam thì họ không biết về luật sư đó, cũng không có cơ hội tiếp xúc với luật sư nên khi cán bộ điều tra bảo không nên thuê luật sư thì họ thường đồng ý và từ chối luật sư. Đặc biệt là Thông tư số 70/2011/TT-BCA, ngày 10/10/2011 của Bộ công an quy định để cấp giấy chứng nhận người bào chữa cho luật sư đối với người bị tạm giữ thì cần phải có “Giấy yêu cầu luật sư của người bị tạm giữ, bị can; giấy yêu cầu luật sư của người thân người bị tạm giữ, bị can (đối với trường hợp người bị tạm giữ, bị can đang bị tạm giam có giấy nhờ người thân liên hệ nhờ luật sư bào chữa)”. Điều này đã hạn chế quyền được mời luật sư bào chữa của người thân thích với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam. Khi bị khởi tố, bị tạm giam thì người bị tạm giam, tạm giữ có tâm lý rất hoang mang, cũng không có thói quen sử dụng dịch vụ pháp lý, không hiểu hết vai trò của luật sư bào chữa trong vụ án hình sự nên ít trường hợp nghĩ đến việc nhờ người bào chữa. Thêm vào đó là thái

độ khuyến khích không nhờ người bào chữa, từ chối bào chữa của người tiến hành tố tụng, gây khó khăn, phiền hà trong thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa khiến cơ hội tham gia tố tụng của luật sư bào chữa trong vụ án hình sự ngày càng bị thu hẹp. Đó là một số nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng bị can, bị cáo phải tự bào chữa cho mình và không biết để thực hiện hết các quyền của mình trong tố tụng hình sự dẫn đến hoạt động tranh tụng diễn ra một chiều hoặc tẻ nhạt, thiếu tính khách quan, bị áp đặt ý chí chủ quan một chiều từ phía cơ quan điều tra, viện kiểm sát, thậm chí cả hội đồng xét xử. Việc luật sư bị gây khó khăn, cản trở ngay từ giai đoạn đầu của quy trình tố tụng dẫn đến khi tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì cơ hội xuất hiện của luật sư tham gia bào chữa không còn nhiều và gặp nhiều khó khăn trong công tác chuẩn bị tham gia tranh tụng tại phiên tòa.

Thực tế, chỉ có 15-20% vụ án hình sự có sự hiện diện của luật sư tham gia bào chữa. Chất lượng tranh tụng trong số những vụ án này còn chưa cao, chưa phát huy tối đa nguyên tắc tranh tụng. Còn đối với 75-80% vụ án hình sự còn lại không có luật sư tham gia bào chữa thì hoạt động tranh tụng diễn ra thế nào ? Theo quan sát của tác giả thì gần như các phiên tòa này diễn ra hết sức tẻ nhạt, chủ yếu hoạt động tố tụng tại phiên tòa do Hội đồng xét xử và Viện kiểm sát tiến hành, bị cáo chỉ biết trình bày chứ không có đủ năng lực, trình độ hiểu biết pháp luật để tranh tụng, đối đáp với đại diện viện kiểm sát, nhiều vụ oan sai mà bị cáo không biết, người tiến hành tố tụng thì chủ quan, căn cứ vào hồ sơ do cơ quan điều tra lập chứ không căn cứ vào diễn biến phiên tòa. Đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nhiều vụ án oan sai xảy ra trong thời gian gần đây.

Trong thời gian tới, để hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa diễn ra phổ biến hơn và đạt hiệu quả hơn thì phải sửa đổi quy định pháp luật về đối tượng được mời luật sư bào chữa, đơn giản hóa thủ tục bào chữa, nâng cao ý thức tôn trọng người bào chữa đối với những người tiến hành tố tụng,

khuyến khích người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và người thân thích của họ mời luật sư bào chữa để tăng cường hiệu quả tranh tụng, góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụ án, đảm bảo việc xét xử của tòa án được thực hiện đúng đắn, công bằng, giảm bớt những oan sai không đáng có trong tố tụng hình sự.

. *Thứ hai*, chất lượng của đội ngũ luật sư còn thấp, có nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của cải cách tư pháp... làm cho kết quả hoạt động bào chữa của luật sư chưa cao.

Với gần 3000 luật sư đăng ký hành nghề tại thành phố Hà Nội hiện nay thì có đến khoảng trên 60% luật sư tham gia tố tụng, trong đó có tham gia vụ án hình sự. Tuy nhiên, con số này vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của công cuộc cải cách tư pháp. Chất lượng của luật sư Việt Nam vẫn chưa được đảm bảo tốt để đạt hiệu quả tranh tụng.

Luật luật sư năm 2006 thay thế Pháp lệnh luật sư năm 2001 đã có nhiều quy định quan trọng để nâng cao chất lượng luật sư. Học viện tư pháp cũng đã ra đời để đào tạo nghề luật sư và các chức danh tư pháp. Thêm vào đó, Bộ tư pháp, Liên đoàn luật sư Việt Nam cũng đã liên tục mời các lớp bồi dưỡng để nâng cao chất lượng luật sư. Hiện nay, Bộ tư pháp quy định mỗi luật sư phải tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ít nhất là 16 giờ/ 1 năm cũng là một trong những hoạt động góp phần nâng cao chất lượng luật sư Việt Nam nói chung, luật sư Hà Nội nói riêng. Theo tổng kết, báo cáo của Đoàn luật sư Hà Nội thì đến tháng 8 năm 2016 cả Đoàn luật sư Hà Nội có đến 2.913 luật sư thành viên, trong đó có 04 Giáo sư, 06 Phó Giáo sư, 73 Tiến sĩ, 296 Thạc sĩ và 2.536 Cử nhân luật. Như vậy, cùng với sự phát triển về số lượng luật sư thì chất lượng luật sư tại Hà Nội cũng đang ngày càng được nâng lên. Hoạt động tham gia tố tụng càng nhiều, thường xuyên thì kỹ năng, nghiệp vụ của luật sư càng được nâng lên, hiệu quả tranh tụng sẽ được cải thiện rõ rệt.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì hoạt động tranh tụng của luật sư trong phiên tòa hình sự tại thành phố Hà Nội vẫn còn một số những yếu kém như: Công tác chuẩn bị chưa tốt, luật sư nghiên cứu hồ sơ không kỹ dẫn đến lúng túng trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa; Kỹ năng tranh tụng của một số luật sư chưa tốt dẫn đến những căng thẳng, xung đột không cần thiết tại phiên tòa, thậm chí có những lời lẽ mạt sát, xúc phạm lẫn nhau làm giảm tính tôn nghiêm của chốn công đường, ảnh hưởng tới văn hóa pháp đình; Việc tranh tụng của nhiều luật sư chưa quyết liệt, chưa có cơ sở lý luận vững chắc mà chỉ bám vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Có những trường hợp bào chữa “lấy được”, bỏ qua nguyên tắc khách quan, trách nhiệm bảo vệ pháp chế XHCN; Vẫn có những luật sư tiếp tay cho hoạt động tiêu cực trong tố tụng, vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý hình sự...

Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng luật sư, để đáp ứng được yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay thì cần phải có những biện pháp tích cực để nâng cao hơn nữa chất lượng tranh tụng của luật sư Việt Nam. Cần phải tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, trau dồi kiến thức pháp lý và kỹ năng hành nghề luật sư; Nâng cao nhận thức và tuân thủ Quy tắc ứng xử đạo đức nghề nghiệp luật sư do Liên đoàn luật sư Việt Nam ban hành. Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo hành nghề luật sư... Cần phải thực hiện các giải pháp đồng bộ để chất lượng luật sư ngày càng được tăng lên cùng với gia tăng số lượng luật sư thì mới đảm bảo được hoạt động tranh tụng hiệu quả tại phiên tòa theo tinh thần của cải cách tư pháp hiện nay.

Thứ ba, vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội và trong tham gia tố tụng còn hạn chế, chưa thực sự được nhìn nhận đúng và đầy đủ theo tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của luật sư trong việc tư vấn, giúp đỡ về mặt pháp lý chưa toàn diện, sâu sắc; nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư còn ít. Trên thực tế, có nhiều trường hợp luật sư nói cứ nói, Tòa quyết cứ quyết, khi tuyên án,

HĐXX không quan tâm đến quan điểm, lập luận bào chữa của luật sư hoặc chỉ nói chung chung là không chấp nhận đề nghị của luật sư mà không đưa ra lý do của việc từ chối. Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng tranh tụng của luật sư tại phiên tòa thì cần có giải pháp đồng bộ, cần phải nâng cao chất lượng công tố và chất lượng thẩm phán trong hoạt động xét xử vụ án hình sự. Cần phải có những quy định cụ thể, đầy đủ hơn nữa trong Bộ luật tố tụng hình sự về nguyên tắc tranh tụng, cần có những cơ chế, giải pháp để tăng cường hơn nữa vai trò của người bào chữa, cần ghi nhận quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa, đề cao việc đánh giá chứng cứ, đảm bảo quyền đưa ra yêu cầu, tài liệu, đồ vật trong tố tụng hình sự, phải thực sự lấy kết quả tranh tụng tại phiên tòa làm kết quả giải quyết vụ án, phải loại bỏ tư duy “án tại hồ sơ”, đánh giá tài liệu của cơ quan điều tra thu thập cao hơn giá trị chứng minh tại phiên tòa... thì mới có thể cải thiện được hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự.

Luật sư Nguyễn Thị Kim Thanh, Đoàn luật sư Hà Nội cho biết: Mặc dù trong hoạt động tố tụng, luật sư bào chữa cũng có nhiều đóng góp tích cực cho việc tìm ra sự thật khách quan của vụ án, góp phần đảm bảo cho vụ án được giải quyết nhanh chóng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, giảm bớt các án oan sai, gia tăng niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng, với Nhà nước... Tuy nhiên, không phải người tiến hành tố tụng nào cũng đánh giá đúng vị trí, vai trò của luật sư khi tham gia tố tụng hình sự. Hiện nay, tâm lý e ngại luật sư, có cái nhìn thiếu thiện cảm, thậm chí coi thường luật sư vẫn còn xảy ra ở một số cán bộ tiến hành tố tụng khiến quan hệ giữa các bên tham gia tranh tụng trong một số vụ án còn trở lên căng thẳng, hoạt động hành nghề luật sư trong một số trường hợp gặp khó khăn, trở ngại. Vì vậy, nâng cao ý thức trách nhiệm nghề nghiệp và văn hóa pháp đình là việc làm cần thiết không chỉ với đội ngũ luật sư mà cả đối với những người tiến hành tố tụng.

2.3.2. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về hoạt động của luật sư - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại

Thực tiễn xét xử tại thành phố Hà Nội cho thấy, luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại không nhiều, vai trò của luật sư thể hiện tại phiên tòa chưa cao, không thể hiện rõ nét chức năng của bên buộc tội và bảo vệ quyền lợi về dân sự cho phía người bị hại.

Theo thống kê thì tỉ lệ luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị hại chiếm chưa đến 10% tổng số luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự. Luật sư Nguyễn Công Thành (Đoàn luật sư Hà Nội) cho biết: Những vụ án mà luật sư tham gia bảo vệ quyền lợi cho phía bị hại (có thể là người bị hại hoặc đại diện gia đình người bị hại) thường là những vụ án phức tạp, có dấu hiệu sót người, lọt tội hoặc không thỏa thuận được với phía bị can, bị cáo về phần bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Về nguyên tắc thì bên buộc tội không chỉ là Đại diện viện kiểm sát mà còn bao gồm cả người bị hại, nguyên đơn dân sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. NBV QLCĐS tham gia tố tụng không chỉ bảo vệ quyền và lợi ích về dân sự của người bị hại mà còn đứng về phía bên buộc tội để chứng minh bị cáo có tội để làm căn cứ phát sinh quyền yêu cầu bồi thường, khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, nội dung này chưa được quy định rõ ràng trong BLTTHS năm 2003 dẫn đến một thực tế là trong các vụ án mà bị cáo kêu oan thì bị cáo từ chối luôn cả yêu cầu bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Khi NBV QLCĐS tham gia tố tụng, tranh tụng với bị cáo và người bào chữa về tội danh, hình phạt thì thường bị chủ tọa phiên tòa ngăn cản, cho rằng việc tham gia tố tụng như vậy là vượt ra ngoài phạm vi quyền, trách nhiệm của NBV QLCĐS. Trong những trường hợp này thì việc tranh tụng của luật sư tại phiên tòa không đảm bảo được vị thế của bên buộc tội và cũng không đảm bảo được quyền lợi của đương sự.

Việc thực hiện các quyền trên của NBVQL còn nhiều hạn chế, bất cập như sau: Về nguyên tắc thì NBVQL thuộc bên buộc tội nhưng không có quyền gặp bị can, bị cáo nên trong nhiều trường hợp không có cơ hội góp phần làm sáng tỏ nội dung vụ án. Trong những vụ án có dấu hiệu oan sai thì việc đưa ra yêu cầu, đòi hỏi quyền lợi về dân sự của người bị hại sẽ không đảm bảo nếu tòa án xác định bị cáo không có tội.

Trình độ kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ của luật sư khi tham gia tố tụng với vai trò là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, đương sự cũng chưa thực sự được chú trọng trên thực tế dẫn đến hiệu quả tranh tụng trong vụ án hình sự chưa cao. Đặc biệt với vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì vai trò của người bị hại, đại diện người bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại được pháp luật đề cao. Pháp luật cho phép người bị hại có quyền thỏa thuận để rút đơn tố cáo trước khi xét xử. Trước khi tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử mà người bị hại rút đơn thì vụ án bị đình chỉ. Đây là một trong những biểu hiện của “thỏa thuận thú tội” mà pháp luật một số nước ghi nhận. Quy định này đảm bảo được quyền con người, tính nhân văn trong áp dụng pháp luật, đảm bảo được thủ tục giải quyết vụ án được diễn ra nhanh chóng và vẫn đảm bảo giải quyết được những mâu thuẫn xã hội, đảm bảo được công tác phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, pháp luật nước ta chưa quy định trường hợp tại phiên tòa, người bị hại rút đơn tố cáo, rút yêu cầu khởi tố thì sao? Thực tế có nhiều vụ án, khi phiên tòa diễn ra, mọi chứng cứ được đưa ra đánh giá công khai, quyền và nghĩa vụ của các bên được bảo đảm... đến khi đó người bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố, rút đề nghị truy tố, trong trường hợp này, theo quy định của BLTTHS năm 2003 thì tòa án vẫn tiến hành xét xử, điều này làm mất quyền tự định đoạt của người bị hại, là yếu tố bất lợi cho bị cáo và chưa đảm bảo được tính nhân văn trong tố tụng hình sự. Ngoài ra, quy định về phạm vi xét xử của tòa án cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình

sự: Trước khi xét xử mà Viện kiểm sát rút toàn bộ cáo trạng thì vụ án bị đình chỉ nhưng trong khi xét xử mà Viện kiểm sát rút toàn bộ cáo trạng thì tòa án vẫn tiếp tục xét xử. Nội dung quy định như vậy là chưa đảm bảo được nguyên tắc có lợi cho bị can, bị cáo, cũng giống như trường hợp người bị hại rút yêu cầu khởi tố tại phiên tòa.

Trình tự thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cũng vậy, trong trường hợp vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì người bị hại là bên buộc tội, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại cũng phải đứng về phía bên buộc tội. Về lý luận thì quyền buộc tội có trước quyền bào chữa, tuy nhiên trình tự thủ tục phiên tòa lại để cho luật sư bào chữa thực hiện thủ tục hỏi, phát biểu quan điểm tranh luận trước người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại là chưa hợp lý, chưa phù hợp với nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự, chưa đảm bảo được nguyên tắc tranh tụng.

Vì vậy, cần phải có những quy định cụ thể hơn để phân định quyền, trách nhiệm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại trong việc tham gia về mặt nội dung của vụ án để vừa đúng thủ tục tố tụng vừa bảo vệ được đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của vụ án, giúp cơ quan tiến hành tố tụng xác định được sự thật khách quan của vụ án, giải quyết vụ án một cách đúng đắn và công bằng. Cần có quy định cụ thể, đặc thù hơn đối với người bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại trong trường hợp khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, phải đảm bảo họ thực sự là bên buộc tội, có thể chủ động của bên buộc tội và đảm bảo tính nhân văn, nguyên tắc có lợi cho bị can, bị cáo.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở nghiên cứu hoạt động tranh tụng của luật sư trong phiên tòa hình sự sơ thẩm, thực trạng hoạt động tranh tụng của luật sư theo quy định của BLTTHS năm 2003 trên địa bàn thành phố Hà Nội, có thể rút ra một số kết luận sau:

1. Thông qua việc nghiên cứu những hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm của luật sư cho thấy vai trò của luật sư khi tham gia bào chữa trong giai đoạn XXST VAHS. Vai trò này thể hiện rõ nét trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bao gồm các hoạt động chuẩn bị cho tranh tụng bao gồm nghiên cứu hồ sơ, thu thập thêm các tài liệu, đồ vật có liên quan, đưa ra các yêu cầu, gặp gỡ và trao đổi với bị cáo, hoạt động xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, hoạt động của luật sư khi tòa tuyên án và kết thúc phiên tòa... Những hoạt động này đã thể hiện một cách đầy đủ vai trò của luật sư trong việc bào chữa cho bị cáo.

2. Hiện nay, số lượng và chất lượng của luật sư nói chung và luật sư tham gia bào chữa trong XXST VAHS ngày càng tăng. Hoạt động bào chữa của luật sư ngày càng đạt hiệu quả cao, luật sư đã góp phần tìm ra sự thật khách quan của vụ án, giúp việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật, bảo vệ được các quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo. Qua đó uy tín nghề nghiệp của luật sư được nâng lên không ngừng.

3. Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định nhưng vai trò của luật sư khi tham gia tranh tụng trong vụ án hình sự sơ thẩm vẫn có nhiều hạn chế, yếu kém xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Do vậy, cần thiết phải có những phương hướng, giải pháp để nâng cao vai trò của luật sư nói chung và vai trò của luật sư tham gia bào chữa trong XXST VAHS nói riêng.

Chương 3

BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG CỦA LUẬT SƯ TẠI PHIÊN TÒA SƠ HÌNH SỰ THẨM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ TRANH TỤNG CỦA LUẬT SƯ

3.1. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về hoạt động của luật sư tại phiên tòa sơ thẩm

Bộ luật TTHS năm 2015 đã được quốc hội thông qua nhưng đến nay vẫn chưa có hiệu lực pháp luật. Bộ luật này có những sửa đổi, bổ sung để nâng cao nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa, theo yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp. Tuy nhiên, việc thiết kế, bố trí các phần, mục, điều luật cũng như nội dung của bộ luật này vẫn chưa đảm bảo phát huy tối đa nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự, cần phải tiếp tục nghiên cứu, chỉnh sửa bổ sung trong thời gian tới. BLTTHS năm 2015 vẫn quy định vai trò, hoạt động của luật sư trong các tư cách là Người bào chữa và Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại. Mặc dù cùng là chủ thể tham gia tố tụng nhưng mỗi một vị trí, tư cách pháp lý lại có những nét đặc thù riêng, góp phần giải quyết vụ án hình sự một cách đúng đắn, đúng pháp luật.

3.1.1. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về hoạt động của luật sư – Người bào chữa tại phiên tòa sơ thẩm

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì Người bào chữa được quy định cụ thể tại Điều 72, Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015, chi tiết như sau: *Người bào chữa là người được người bị buộc tội nhờ bào chữa hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định và được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp nhận việc đăng ký bào chữa.* Người bào chữa có thể là: Luật sư; Người đại diện của người bị buộc tội; Bào chữa viên nhân dân hoặc Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý. Bào chữa viên nhân dân là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức pháp lý, đủ sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức thành viên của Mặt trận cử tham gia bào chữa

cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình. Một người bào chữa có thể bào chữa cho nhiều người bị buộc tội trong cùng vụ án nếu quyền và lợi ích của họ không đối lập nhau. Nhiều người bào chữa có thể bào chữa cho một người bị buộc tội.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã khắc phục được phần nào những hạn chế của đối tượng được quyền yêu cầu người bào chữa, trong đó người bị tố cáo, kiến nghị khởi tố cũng có quyền mời luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Quy định này đã mở rộng quyền của luật sư khi tham gia vào quá trình “tiền tố tụng”, quá trình giải quyết tin báo, tố giác tội phạm. Hoạt động tham gia tố tụng sớm này của luật sư sẽ phần nào hạn chế được những vụ án khởi tố thiếu căn cứ, chủ quan trong đánh giá chứng cứ của cơ quan tiến hành tố tụng.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cũng đã bổ sung thêm tư cách pháp lý của chủ thể là người đại diện của người bị buộc tội. Tuy nhiên vẫn chưa đưa ra khái niệm “người đại diện của người bị buộc tội” là gì ? Người này có phải là người đại diện, người giám hộ của người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất, tinh thần hay không? mà chỉ quy định họ là một trong những người bào chữa, thực hiện quyền bào chữa.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã mở rộng quyền của người được mời luật sư bào chữa. Theo quy định của BLTTHS năm 2003 thì chỉ có người bị tạm giữ, bị can, bị cáo mới được mời luật sư bào chữa. Những người thân thích của họ chỉ được thay mặt họ mời luật sư nếu người bị tạm giữ, tạm giam có văn bản yêu cầu người thân mời hộ. Nay BLTTHS năm 2015 đã quy định người thân thích (những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất) của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam có quyền tự mình mời luật sư bào chữa cho người bị tạm giam, tạm giữ. Cùng với quy định về việc luật sư có thể tham gia trực tiếp trong giai đoạn xác minh tin báo, tố giác tội phạm thì quy định mới này sẽ tăng cơ hội tham gia bào chữa của luật sư trong vụ án hình sự.

BLTTHS năm 2015 đã mở rộng đối tượng bắt buộc phải có người bào chữa. Theo quy định của BLTTHS năm 2003 thì chỉ có bị can, bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất, tinh thần và người bị buộc tội ở tội có hình phạt cao nhất là tử hình thì mới bắt buộc phải có người bào

chữa. Tuy nhiên, theo BLTTHS năm 2015 thì ngoài các đối tượng trên, trường hợp bị buộc tội ở tội danh có hình phạt đến 20 năm, tù chung thân cũng là đối tượng bắt buộc phải có người bào chữa. Quy định này đang có xu hướng mở rộng dần phạm vi hoạt động tổ tụng hình sự của luật sư, tăng thêm cơ hội tham gia tranh tụng của luật sư trong vụ án hình sự.

BLTTHS năm 2015 cũng đã bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa, thay vào đó là thủ tục đăng ký bào chữa, đồng thời cũng rút ngắn thời gian thông báo đăng ký bào chữa từ không quá 03 ngày còn không quá 24 giờ cũng là những quy định mới để đơn giản hóa thủ tục hành chính pháp lý, góp phần tạo điều kiện thuận lợi để luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự.

Để tránh trường hợp người tiến hành tố tụng không khách quan, gây xúc ép để buộc người bị tạm giữ, tạm giam không mời luật sư, từ chối luật sư thì BLTTHS năm 2015 cũng có những quy định cụ thể hơn về việc thực hiện quyền bào chữa, nhờ người khác bào chữa của người bị tạm giữ, tạm giam, trong đó có quy định trong trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam từ chối luật sư do người thân thích mời thì phải lập thành văn bản có chữ ký của người mời luật sư, luật sư và người bị tạm giữ, bị can. Nội dung quy định như vậy đã tạo ra sự minh bạch trong thực hiện thủ tục tham gia bào chữa của luật sư, giảm bớt những trở ngại từ phía người tiến hành tố tụng.

BLTTHS năm 2015 cũng đã mở rộng quyền cho bị can, bị cáo và luật sư bào chữa để đảm bảo quyền bình đẳng trong việc thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ, quyền đưa ra yêu cầu, tài liệu, đồ vật, quyền tham gia hỏi, tranh tụng tại phiên tòa.

Quyền và nghĩa vụ của người bào chữa được quy định như sau: Người bào chữa có quyền gặp, hỏi người bị buộc tội; Có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt, bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu người có thẩm quyền tiến hành lấy lời khai, hỏi cung đồng ý thì được hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can; Có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung

và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Xem biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình, quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa; Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; Đề nghị tiến hành hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; đề nghị triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; Kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại tài sản; Đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa từ khi kết thúc điều tra; Tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Lựa chọn người bào chữa được Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định như sau: Người bào chữa do người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ lựa chọn. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đơn yêu cầu người bào chữa của người bị bắt, bị tạm giữ thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ có trách nhiệm chuyển đơn này cho người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích của họ. Trong các trường hợp sau đây nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ: Bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình; Người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi...

Có thể thấy quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định cụ thể, chi tiết hơn về quyền bào chữa và người bào chữa, mở rộng các

đối tượng, vụ án bắt buộc phải có người bào chữa, quy định các quyền và nghĩa vụ của người bào chữa một cách đầy đủ hơn để người bào chữa được thuận tiện trong việc thực hiện các quyền của mình trên thực tế.

Trong phiên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thì việc tranh tụng tập trung vào phần tranh luận tại phiên tòa. Vì vậy, BLTTHS năm 2015 đã có những quy định cụ thể hơn nội dung tranh luận để có thể làm rõ hành vi của bị cáo có tội hay không có tội, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự [61, Điều 322]. Điều 26, BLTTHS năm 2015 đã ghi nhận tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự: Tranh tụng trong xét xử được đảm bảo.

Ngoài ra, BLTTHS còn quy định quyền được đọc hồ sơ của bị can, bị cáo và quyền được hỏi người bị hại, đương sự khác của bị cáo, bị cáo trình bày lời bào chữa rồi mới đến người bào chữa trình bày. Điều này đã góp phần nâng cao vai trò bào chữa của người bào chữa và bị cáo trong việc tranh tụng tại phiên tòa.

Để đảm bảo việc tranh tụng mang lại hiệu quả, tìm ra sự thật khách quan của vụ án thì BLTTHS năm 2015 quy định: Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại. Chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận. Hội đồng xét xử phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì Hội đồng xét xử phải nêu rõ lý do và được ghi trong bản án.

Quy định như vậy đã tạo điều kiện cho bên gỡ tội được phát huy tốt hơn quyền được tranh tụng tự do tại phiên tòa, tạo cơ hội cho bị cáo có thể minh oan hoặc tranh luận về tính chất của vụ án và cách tình tiết khác, làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Những quy định này cũng hạn chế việc né tránh từ phía đại diện viện kiểm sát và sự áp đặt ý chí của chủ tọa phiên tòa đối với nội dung tranh luận và thời gian tranh luận.

Tuy nhiên, những quy định sửa đổi bổ sung của BLTTHS năm 2015 vẫn chưa khắc phục hết những bất cập, vướng mắc của BLTTHS năm 2003 trong việc đảm bảo nguyên tắc tranh tụng, nâng cao hiệu quả xét xử, cụ thể như sau:

- Về hình thức cấu trúc: BLTTHS đã ghi nhận quyền tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự được đảm bảo tại Điều 26, đồng thời có nhiều quy định để tăng cơ hội tham gia vụ án hình sự của luật sư, tăng thẩm quyền của luật sư bào chữa và tăng quyền của người bị buộc tội trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ, tham gia tranh tụng, đưa ra yêu cầu, đồ vật... Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 lại gộp thủ tục “xét hỏi” và thủ tục “tranh luận” thành một thủ tục chung là “thủ tục tranh tụng”. Quy định như vậy không những không phát huy được hiệu quả của hoạt động tranh tụng giữa các bên tại phiên tòa mà làm người áp dụng pháp luật có thể hiểu lầm là nguyên tắc tranh tụng, hoạt động tranh tụng chỉ diễn ra ở thủ tục hỏi và thủ tục tranh tụng, lúc này khái niệm “tranh tụng” lại đồng nghĩa với khái niệm “tranh luận trong tố tụng”, có thể hiểu sai nguyên tắc tranh tụng đã được Hiến pháp năm 2013 và các văn bản luật ghi nhận (BLTTHS năm 2015, Luật tổ chức tòa án nhân dân năm 2014);

- Hình thức tham gia tranh tụng tại phiên tòa có đổi mới, luật sư bào chữa có thể ngồi “ngang hàng” với đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, quy định này chưa được quy định cụ thể trong bộ luật mà lại nhường quyền quy định, hướng dẫn cho Chánh án TAND tối cao;

- Về nội dung tranh tụng: Phần thủ tục xét hỏi, tranh luận không có nhiều đổi mới, vẫn quy định thứ tự hỏi như quy định trước đây, chưa tập trung việc hỏi cho bên buộc tội và bên bào chữa, chưa làm rõ chức năng xét xử của tòa án, tính trọng tài, khách quan tại phiên tòa. Với vụ án khởi tố theo yêu cầu

của người bị hại thì vẫn chưa thể hiện vai trò là bên buộc tội với họ trong thực hiện thủ tục xét hỏi, tranh luận;

- Việc quy định quyền thu thập chứng cứ cho người bào chữa, tăng quyền cho bị cáo trong việc tiếp cận hồ sơ vụ án, tham gia hỏi, tranh luận nhưng không quy định cơ chế, chính sách để họ thực hiện các quyền của mình nên chưa đảm bảo tính khả thi, chưa phát huy hết điều kiện, khả năng tranh tụng của bên bào chữa;

- Quy định về phạm vi xét xử của tòa án chưa có thay đổi. Việc Viện kiểm sát rút truy tố mà tòa án vẫn xét xử là chưa đảm bảo nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự: Chức năng xét xử và chức năng bào chữa chỉ xuất hiện nếu có chức năng buộc tội tồn tại. Các quy định của BLTTHS năm 2015 chưa tách bạch rõ trách nhiệm của bên buộc tội, vai trò trung gian của tòa án khiến nguyên tắc tranh tụng sẽ không phát huy hết tối đa hạt nhân hợp lý của nó.

3.1.2. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về hoạt động của luật sư – Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại tại phiên tòa sơ thẩm

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại được quy định tập trung tại Điều 84 BLTTHS năm 2015 thay thế quy định tại Điều 59 BLTTHS năm 2003. Với BLTTHS năm 2015 thì cũng chưa đưa ra khái niệm cụ thể thế nào là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà chỉ nêu khái quát: “Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là người được bị hại, đương sự nhờ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp”, người này có thể là: Luật sư; Người đại diện; Bào chữa viên nhân dân hoặc Trợ giúp viên pháp lý.

BLTTHS năm 2015 chưa có quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể để trở thành NBVQVLIHP của người bị hại mà chỉ quy định về nguồn chủ thể để có thể trở thành NBVQVLIHP của người bị hại là một trong bốn đối tượng nêu trên, trong đó có luật sư. NBV QVLIHP cho người bị hại phải đủ tiêu chuẩn là một trong bốn đối tượng nêu trên và có thực hiện các thủ tục để được tham gia tố tụng theo quy định pháp luật. Sau khi thực hiện thủ tục để tham gia tố tụng thì họ được thừa nhận địa vị tố tụng và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NBV QVLIHP của người bị hại.

Khoản 3, Điều 84 BLTTHS năm 2015 quy định Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có quyền: Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; Kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; Yêu cầu giám định, định giá tài sản; Có mặt khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói của người mà mình bảo vệ; đọc, ghi chép, sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của bị hại và đương sự sau khi kết thúc điều tra; Tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa; xem biên bản phiên tòa; Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; Kháng cáo phần bản án, quyết định của Tòa án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người mà mình bảo vệ là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

Như vậy, ngoài những quyền như quy định của BLTTHS năm 2003, thì NBV QVLIHP của người bị hại có quyền tham gia đánh giá chứng cứ và có quyền tham gia các hoạt động tố tụng khác như: lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói của người mà mình bảo vệ. Quy định bổ sung quyền của NBVQVLIHP của người bị hại như vậy đã phần nào tăng thêm thẩm quyền, công cụ pháp lý để họ bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại. Ngoài ra, Điều 84 BLTTHS năm 2015 cũng có những sửa đổi, bổ sung tên gọi của điều luật là người “bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp”, chứ không đơn giản chỉ là “người bảo vệ quyền lợi” như quy định tại Điều 59 BLTTHS năm 2003 trước đây. Nội dung sửa đổi này đã làm rõ phạm vi bảo vệ quyền lợi cho họ là “quyền và lợi ích hợp pháp” chứ không đơn thuần là quyền lợi chung chung, quyền lợi theo yêu cầu chủ quan của người bị hại. Việc quy định thêm quyền tham gia các hoạt động tố tụng khác như lấy lời khai, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói của người mà mình bảo vệ đã tạo điều kiện cho NBV tham gia nhiều hơn vào hoạt động tố tụng để bảo vệ quyền lợi cho người bị hại, cũng như cơ hội để thể hiện vai trò của mình trong quá trình tố tụng.

BLTTHS năm 2015 quy định nghĩa vụ của NBV QVLIHP của người bị hại bao gồm: Sử dụng các biện pháp do pháp luật quy định để góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụ án; Giúp bị hại, đương sự về pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Với những quy định như trên thì NBV QVLIHP của người bị hại vận dụng các quyền mà pháp luật quy định để góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụ án và trợ giúp về mặt pháp lý cho người bị hại để đảm bảo các quyền lợi của họ theo quy định pháp luật.

NBV QVLIHP cho người bị hại tham gia tranh tụng tại phiên tòa hình sự căn cứ vào đơn mời luật sư của người bị hại hoặc đại diện người bị hại. Để tham gia tố tụng trong vụ án hình sự với tư cách là NBV QVLIHP của người bị hại thì luật sư cần xuất trình các giấy tờ, tài liệu để chứng minh mình là luật sư và có đơn mời luật sư tham gia tố tụng của đại diện gia đình người bị hại. NBV QVLIHP của người bị hại tham gia tố tụng từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, từ khi xuất hiện quyền và nghĩa vụ của người bị hại theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của mình thì luật sư được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 cũng chưa có những quy định cụ thể để gắn trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng trong việc đảm bảo quyền tham gia tố tụng của NBV QVLIHP cho người bị hại trong vụ án hình sự khiến việc tham gia của của luật sư với địa vị tố tụng này cũng sẽ còn gặp những khó khăn khiến nguyên tắc tranh tụng chưa được đảm bảo theo tinh thần cải cách tư pháp.

3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 điều chỉnh tranh tụng của luật sư tại phiên tòa sơ thẩm

Tác giả hoàn toàn tán thành phương hướng của Cải cách tư pháp đang diễn ra ở nước ta xác định “ Tòa án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm”, “đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh, nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp.” [3].

Theo tác giả hoàn thiện các quy định của BLTTHS về tranh tụng của luật sư tại phiên tòa sơ thẩm phải xuất phát từ những tiền đề sau đây:

- Phải có tính đồng bộ: Việc hoàn thiện phiên tòa sơ thẩm phải đồng bộ với việc hoàn thiện những vấn đề cơ bản của TTHS nước ta, đồng bộ với những bổ sung hoàn thiện ở các giai đoạn tố tụng trước phiên tòa sơ thẩm. Chẳng hạn chúng ta không thể đòi hỏi phiên tòa sơ thẩm phải có tính tranh tụng khi mà chúng ta vẫn chưa dám ghi nhận tranh tụng là nguyên tắc cơ bản của TTHS nước ta.. Chúng ta không thể có được Tòa án có vai trò trọng tài vô tư không thiên vị tại phiên tòa khi mà luật vẫn ràng buộc nghĩa vụ chứng minh tội phạm cho Tòa án.

- Phải trên cơ sở đúc kết thực tiễn xét xử trong những năm vừa qua để thấy được những hạn chế, bất cập trong các quy định của BLTTHS 2003 với thực tiễn, với yêu cầu của Cải cách tư pháp.

- Phải tính đến xu hướng chủ đạo trong sự phát triển của TTHS trên thế giới là xu hướng ngày càng đề cao và tôn trọng quyền con người. Xu hướng này ngày càng có tác động tích cực đến hoạt động lập pháp trong lĩnh vực TTHS của nhiều nước trên thế giới trong quá trình hội nhập quốc tế. Nhiệm vụ cơ bản của TTHS nước ta “không để lọt tội phạm và không là oan người vô tội” [60, Điều 1], cũng phù hợp với xu hướng chủ đạo này. Vấn đề là phải hoàn thiện các nội dung cụ thể của BL để thực hiện được nhiệm vụ hết sức nhân văn đó trên tầm cao mới.

- Phải tham khảo và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài phù hợp với điều kiện của nước ta.

Một số kiến nghị cụ thể:

1. Cần phải sửa đổi các quy định của BLTTHS theo hướng xác định Tòa án - cơ quan thực hiện chức năng xét xử - không có trách nhiệm chứng minh tội phạm. Tòa án cũng có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật nhưng TA thực hiện nhiệm vụ đó thông qua chức năng xét xử của mình. Tòa án không phải là người truy tố bị cáo nên Tòa án không có nghĩa vụ chứng minh tội phạm. Nghĩa vụ chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện chức năng buộc tội (Cơ quan điều tra, VKS). Tòa án chỉ có nghĩa vụ chứng minh trong bản án của mình lý do vì sao Tòa án chấp nhận cáo trạng của VKS

mà không chấp nhận lời bào chữa của luật sư (khi tuyên bản án kết tội bị cáo) hoặc ngược lại, vì sao Tòa án không chấp nhận cáo trạng của VKS mà lại chấp nhận lời bào chữa của luật sư (khi tuyên bản án vô tội với bị cáo).

2. Sửa đổi các quy định của BLTTHS về việc Tòa án có quyền trả hồ sơ điều tra bổ sung. Sửa đổi này giúp cho Tòa án trở về với vai trò là trọng tài vô tư khách quan khi điều khiển phiên tòa, điều khiển tranh tụng của các bên và đưa ra phán quyết trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa không bị chi phối bởi những định kiến có sẵn từ việc nghiên cứu trước hồ sơ, xem xét đánh giá chứng cứ của vụ án trước khi xét xử.

4. Sửa đổi quy định về việc tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung [60, Điều 199]. Trong thực tiễn Tòa án thường tuyên bố hoãn phiên tòa và áp dụng căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung. Điều này là không đúng vì Bộ luật tố tụng hình sự chỉ quy định thẩm quyền của thẩm phán ở giai đoạn chuẩn bị xét xử chứ không phải của Hội đồng xét xử. BLTTHS năm 2015 lại quy định thêm thẩm quyền trả hồ sơ điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử sau khi nghị án là không hợp lý. Theo tác giả, cần nhất quán tư tưởng hết sức nhân văn đã hình thành và tồn tại trong nhiều quy định của BLTTHS đầu tiên của nước ta là không được làm xấu tình trạng của bị can, bị cáo trong đó có quy định không cho phép VKS – cơ quan có nghĩa vụ nhân danh nhà nước buộc tội – truy cứu trách nhiệm hình sự của bị cáo – được thay đổi nội dung truy tố theo hướng làm xấu tình trạng của bị cáo tại phiên tòa. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo hướng bất lợi cũng chính là làm xấu tình trạng của bị cáo. Một khi VKS - cơ quan có chức năng buộc tội – còn không được làm xấu tình trạng bị cáo thì Tòa án – cơ quan thực hiện chức năng xét xử lại càng không có lý do gì để làm việc này.

5. Bỏ quy định khi VKS rút toàn bộ quyết định truy tố mà Hội đồng xét xử vẫn giải quyết những vấn đề của vụ án giống như trong trường hợp không rút quyết định truy tố. Thay vào đó là quy định trong trường hợp này Tòa án chỉ còn lựa chọn duy nhất là ra quyết định đình chỉ vụ án (chứ không phải là tuyên bản án vô tội).

6. Sửa đổi BLTTH theo hướng Tòa án trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được vượt quá giới hạn truy tố của VKS nếu điều đó làm bất lợi

cho bị cáo. Tòa án chỉ có thể vượt quá giới hạn truy tố của VKS nếu không làm bất lợi cho bị cáo, không ảnh hưởng đến quyền bào chữa của bị cáo.

7. Sửa đổi BLTTHS theo hướng quy định tại phiên tòa sơ thẩm VKS chỉ thực hành quyền công tố, không thực hiện hoạt động kiểm sát xét xử đối với hoạt động của Tòa án. Sự sửa đổi này là cần thiết bởi lẽ khi cải cách tư pháp đã xác định vai trò trung tâm của Tòa án trong TTHS thì ngoài nhân dân và Tòa án cấp trên ra không ai trong số các chủ thể tham gia hoạt động TTHS có thể giám sát hoạt động của Tòa án.

8. Sửa đổi thủ tục xét hỏi tại phiên tòa để tham gia vào thủ tục xét hỏi chỉ có các bên tranh tụng. Bên buộc tội là VKS và người bị hại, nguyên đơn dân sự. Bên bào chữa là người bào chữa, bị cáo, bị đơn dân sự. Tòa án không phải là bên tranh tụng nên không tham gia xét hỏi mà là người điều khiển quá trình xét hỏi.

Kết luận Chương 3

BTTTHS năm 2015 ra đời để sửa đổi, bổ sung một số quy định của BLTTHS năm 2003, hiện nay do một số sai sót nên chưa có hiệu lực pháp luật. Trên cơ sở nghiên cứu những tồn tại của BLTTHS năm 2003, những điểm mới của BLTTHS năm 2015 về tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm nói riêng, hoạt động tranh tụng trong TTHS nói chung, có thể thấy:

- BLTTHS năm 2015 đã có một số sửa đổi, bổ sung quan trọng đảm bảo tính dân chủ, nghi nhận nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự;
- Đã bổ sung các quyền và nghĩa vụ của bị can, bị cáo và NBC, NBV QLIHP của đương sự;
- Tạo cơ chế để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng, có những quy định rõ ràng hơn đối với các chủ thể tham gia tranh tụng tại phiên tòa.

Tuy nhiên, luận văn cũng đã chỉ ra những bất cập trong khâu lập pháp, bố trí kết cấu của các chương, các điều luật; Nội dung của BLTTHS năm 2015 cũng chưa sửa đổi, bổ sung được hết những quy định lạc hậu, bất cập của BLTTHS năm 2003 để đảm bảo nguyên tắc tranh tụng được thực hiện có hiệu quả trên thực tế.

Từ đó, luận văn tiếp tục đưa ra những kiến nghị, giải pháp để tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định của BLTTHS năm 2015 trong thời gian tới để đảm bảo tốt hơn nguyên tắc tranh tụng, nâng cao vai trò của luật sư khi tham gia tranh tụng tại phiên tòa, đảm bảo sự bình đẳng trong địa vị tố tụng các chủ thể trong quá trình tranh tụng, đáp ứng mục tiêu của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay.

KẾT LUẬN

Tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc quyết định kết quả giải quyết vụ án hình sự, nó không chỉ đánh giá kết quả hoạt động của các giai đoạn điều tra, truy tố mà còn có giá trị to lớn đối với chính giai đoạn xét xử. Trong đó, việc tham gia tranh tụng của luật sư trong hoạt động tố tụng hình sự có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nó chính là cơ chế tối ưu nhất để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, đảm bảo việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Chính vì tầm quan trọng của nó nên Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp trong thời gian tới” đã đề cập đến việc nâng cao chất lượng xét xử của tòa án là khâu trung tâm đột phá, quyết định của hoạt động tư pháp, phán quyết của Tòa án chủ yếu phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa, phát huy tối đa mặt tích cực của nó thì cần có sự nghiên cứu sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn áp dụng tranh tụng tại phiên tòa. Bởi vậy, luận văn đã giải quyết nhiệm vụ:

1. Nghiên cứu cơ sở lý luận của hoạt động tranh tụng của luật sư tại phiên tòa như: Khái niệm, đặc điểm, những điều kiện và yêu cầu của tranh tụng của luật sư tại phiên tòa HSST, cơ sở pháp lý quy định về tranh tụng tại phiên tòa. Đặc biệt là tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

2. Sơ lược về lịch sử các quy định của luật tố tụng hình sự Việt Nam về tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm trong đó có hoạt động tranh tụng của luật sư với vai trò là Người bào chữa và Người bảo vệ cho người bị hại. Trên cơ sở đó đánh giá được những điểm còn chưa đầy đủ của pháp luật về tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự.

3. Phân tích, đánh giá thực trạng tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm trong những năm gần đây từ thực tiễn thành phố Hà Nội qua đó rút ra những bài học tích cực, cũng như những tồn tại, hạn chế trong quá trình tham gia xét xử, tranh tụng tại phiên tòa.

4. Phân tích, đánh giá kết quả sửa đổi, bổ sung trong BLTTHS năm 2015 về tranh tụng của luật sư tại phiên tòa, qua đó thấy được những điểm tiến bộ, những hạn chế cần phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới.

Tác giả đã đưa ra những giải pháp, kiến nghị để tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định của BLTTHS nhằm nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm đảm bảo quyền con người, tính nhân văn trong hoạt động tố tụng và giảm thiểu những oan sai trong các vụ án hình sự.

Từ những hướng nghiên cứu trên cho thấy, để xác định sự thật khách quan của vụ án thì phiên tòa phải đảm bảo nguyên tắc tranh tụng và như thế cần phải có những cơ chế, điều kiện nhất định để thực hiện:

Thứ nhất: Tham gia vào quá trình tranh tụng bao giờ cũng phải có ba chủ thể của quan hệ tranh tụng;

Thứ hai: Để việc tranh tụng đạt kết quả cao thì các bên buộc tội và gỡ tội phải có sự chuẩn bị kỹ càng, có trình độ năng lực, cũng như đạo đức nghề nghiệp;

Thứ ba: Có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và các điều kiện về cơ sở vật chất đảm bảo.

Yêu cầu tranh tụng của tại phiên tòa:

- Tranh tụng tại phiên tòa phải đảm bảo tính dân chủ, công khai nhưng vẫn thể hiện tính nghiêm túc của pháp luật.
- Mục đích của tranh tụng tại phiên tòa là làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án thông qua sự cọ xát giữa các lập luận, ý kiến. Vì vậy, yêu cầu của nó là bên buộc tội và bên gỡ tội chủ động tranh luận tại phiên tòa về từng chi tiết của vụ án.

Tuy nhiên, trong thực tế tranh tụng tại phiên tòa hiện nay không có đủ điều kiện và yêu cầu trên. Những nghiên cứu lịch sử quy định pháp luật tố tụng hình sự từ 1945 đến nay cho thấy hệ thống pháp luật hiện hành còn chưa cụ thể và chưa tạo ra cơ chế hoàn toàn đầy đủ cho quá trình tranh tụng của các bên:

Thứ nhất: Chưa tạo ra được sự trung lập, trọng tài của Hội đồng xét xử;

Thứ hai: Kiểm sát viên và luật sư vẫn chưa có vị thế bình đẳng với nhau tại phiên tòa và trong quá trình tham gia tố tụng;

Thứ ba: Những cơ chế bắt buộc, đảm bảo thực hiện tranh tụng với các bên tham gia tranh tụng.

Tranh tụng là một vấn đề lớn trong tố tụng hình sự, tính phức tạp về nhiều mặt và nội dung, về sự thể hiện của nó không chỉ ở giai đoạn xét xử đã là những khó khăn cho người nghiên cứu về lĩnh vực này. Vì nhiều lý do, đề tài này chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu một cách triệt để và toàn diện tất cả các vấn đề đang được thực tiễn đặt ra về tranh tụng trong tố tụng hình sự. Những kết quả khiêm tốn của đề tài này hi vọng sẽ đóng góp về mặt lý luận cũng như thực tiễn trong việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả tranh tụng của luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm góp phần thực hiện thành công cuộc cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thế Anh (2005), Những vấn đề rút ra từ việc tổ chức các phiên toà hình sự theo tinh thần nghị quyết số 08 của bộ chính trị, Tạp chí Kiểm sát, số 1, trang 19-22.
2. Bộ chính trị (2002), Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 2/1/2002, Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới .
3. Bộ chính trị (2005), Nghị quyết 48/NQ-TW, Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.
4. Bộ chính trị (2005), Nghị quyết 49/NQ-TW, Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
5. Bộ tư pháp (2003), Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Thông tin khoa học pháp lý, Chuyên đề về: Một số vấn đề về cải cách tư pháp ở Trung Quốc.
6. Bộ tư pháp (1999), Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Thông tin khoa học pháp lý, Chuyên đề về: Tư pháp hình sự so sánh.
7. Bộ tư pháp (2002), Quy tắc đạo đức nghề nghiệp Luật sư.
8. Bộ kế hoạch đầu tư (2004), Báo cáo kết quả kiểm tra thực hiện Chỉ thị số 10/2002/CT-TTg ngày 19.3.2002 của Thủ tướng chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 2.1.2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp trong thời gian tới.
9. Lê Cẩm (2003), Nguyên tắc tranh tụng trong hệ thống các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự, Tạp chí luật học, số 6, trang 3-8.
10. Lê Cẩm và Nguyễn Ngọc Chí (2004), Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước Pháp quyền, Nhà xuất bản đại học Quốc Gia Hà Nội.
11. Ngô Huy Cương (2002), Đổi mới hoạt động xét xử theo nguyên tắc tranh tụng, Tạp chí nghiên cứu lập pháp , trang 5.
12. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên) (2001), Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Trần Văn Độ (2004): Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa, đăng trên tạp chí KHPL số 04/2004 của PGS.TS Trần Văn Độ.

14. Đại học Luật Hà Nội (1994), Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật.
15. Nguyễn Thị Hồng Hà (2004), Luận văn thạc sỹ Luật học, Hiệu quả xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, những vấn đề lý luận và thực tiễn.
16. Tống Anh Hào (2004), Về tranh tụng tại phiên toà hình sự, Tạp chí Toà án nhân dân, số 5, trang 2-4.
17. Tống Anh Hào(2004), Về tranh tụng tại phiên toà hình sự, Tạp chí Toà án nhân dân, số 5, trang 2-4.
18. Phan Trung Hoài (2002), Một số vấn đề về cơ sở bảo đảm dân chủ trong tranh luận tại phiên toà hình sự , Tạp chí Kiểm sát , số 3, trang 14-15.
19. Lê Phúc Hỷ (2004), Qua hai năm thực hiện nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới, Tạp chí Toà án nhân dân số 9.
20. Phan Lan (2002), Mỹ - tranh tụng khi xét xử tại toà, Báo pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, số ra ngày 21/10/2002, trang 13.
21. Trần Linh (2004), Về việc thực hiện nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ chính trị, Tạp chí Toà án nhân dân, số 8, trang 2-3.
22. Nguyễn Đức Mai (1996), Luận văn cao học luật, Vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự.
23. Nguyễn Hùng Mạnh (2004), Khúc mắc khi hành nghề Luật sư , Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 9, trang 59-60.
24. Nguyễn Đức Mai, Vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự, Luận án Thạc sỹ luật học, Hà Nội, 1996, trang 14.
25. Từ Văn Nhũ (2002), Đổi mới thủ tục xét xử nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên toà hình sự, Tạp chí Toà án nhân dân, số 10, trang 7.
26. Nguyễn Hải Ninh (2003), Luận văn thạc sỹ luật học, Thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên toà hình sự sơ thẩm.
27. Nhà pháp luật Việt – Pháp (1997), Tố tụng hình sự và vai trò của Viện công tố trong tố tụng hình sự, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia.
28. Nhà pháp luật Việt Pháp (1998), Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hoà Pháp, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

29. Ngô Hồng Phúc (2003), Vấn đề nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên toà hình sự, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2, trang 1-2.
30. Nguyễn Thái Phúc (2003), Vai trò, trách nhiệm của Kiểm sát viên và thủ tục tranh luận tại phiên toà sơ thẩm, Tạp chí kiểm sát, số 9, trang 18-29.
31. Nguyễn Thái Phúc (2003), Dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi) và nguyên tắc tranh tụng, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9, trang 3-10.
32. Nguyễn Thái Phúc. Hoàn thiện hệ thống các nguyên tắc cơ bản trong BLTTHS 2003. Tạp chí Khoa học pháp lý. Trường Đại học Luật TPP.HCM 2/2008.
33. Đinh văn Quế (2003), Thủ tục xét xử các vụ án hình sự, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.
34. Huỳnh Sáng (2004), Về việc thực hiện thủ tục xét hỏi kết hợp với tranh tụng tại phiên toà, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 3, trang 4-5.
35. Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, 1991, trang 1238.
36. Tòa án nhân dân Tối cao (1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004), Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án.
37. Tòa án nhân dân Tối cao (1976), Hệ thống hoá các văn bản về tố tụng hình sự, tập 1, tập 2.
38. Tòa án nhân dân Tối cao (1995), Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế và tố tụng, (tập 1, tập 2, tập 3).
39. Tòa án nhân dân Tối cao, Viện khoa học xét xử (2001), Công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Nâng cao chất lượng thủ tục tố tụng tại phiên toà xét xử vụ án hình sự, Những vấn đề lý luận và thực tiễn.
40. Tòa án nhân dân Tối cao, Viện khoa học xét xử (2003), Thông tin khoa học xét xử, Số 1.
41. Trường cao đẳng kiểm sát (2004), Đề tài khoa học cấp trường, Kỹ năng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên toà Hình sự.
42. Trường đào tạo các chức danh tư pháp (2004), Giáo trình kỹ năng xét xử vụ án hình sự, Nhà xuất bản Tư pháp.
43. Trường đào tạo các chức danh tư pháp (2003), Đề tài nghiên cứu khoa học, Tranh tụng tại phiên toà, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn.

44. Trường đào tạo các chức danh tư pháp (2003), Đặc san Nghề luật, Chuyên đề mở rộng tranh tụng, Số 5.
45. Trường Đào tạo các chức danh Tư pháp (2004), Đặc san nghề luật, Chuyên đề về Luật sư, Số 7.
46. Từ điển tiếng Việt (1991), Nhà xuất bản Khoa học xã hội. 25. Từ điển tiếng Việt (2002), Nhà xuất bản Đà Nẵng.
47. Trần Quang Tiệp (2003), Lịch sử Luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
48. Nguyễn Văn Tuấn (2010). Thực trạng tranh tụng và vấn đề nâng cao vai trò của luật sư trong tranh tụng trước yêu cầu cải cách tư pháp, Dân chủ và pháp luật, 3(216), tr 25-30.
49. Phan Đăng Thanh (1996), Để có sự bình đẳng trực tiếp tại phiên toà, Báo pháp luật TP. Hồ Chí Minh – số 12.
50. Trần Đại Thắng (2003), Bàn về vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự, Tạp chí Kiểm sát, số Chuyên đề tháng 9.
51. Lê Phú Thịnh (2004), Cải cách tư pháp, góc nhìn từ một phiên toà sơ thẩm: ý kiến của Luật sư vẫn chưa được toà tôn trọng, Luật sư ngày nay, Đoàn Luật sư TP. Hà Nội năm 2004.
52. Đỗ Gia Thư (2005), Bàn về quản lý Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1, trang 1-3.
53. Nguyễn Văn Tuấn (2004), Luật sư và vấn đề tranh tụng trong phiên toà xét xử vụ án hình sự, Luật sư ngày nay, Đoàn Luật sư TP. Hà Nội.
54. Thông báo 290 ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Tòa án nhân dân tối cao kết luận hội thảo về “Tranh luận tại phiên tòa hình sự”.
55. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992,2001), Luật tổ chức Tòa án, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
56. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992,2001), Luật tổ chức Viện kiểm sát, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
57. Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945,1959,1980, 1992), Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
58. Quốc hội (1999), bộ luật Hình sự, Hà Nội

59. Quốc hội (2002), Luật tổ chức tòa án nhân dân, Hà Nội
60. Quốc hội (2003), Bộ luật tố tụng hình sự, Hà Nội
61. Quốc hội (2015), Bộ luật tố tụng hình sự, Hà Nội
62. Quốc hội (2006). Luật Luật sư, Hà Nội
63. Quốc hội (2009), Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung), Hà Nội
64. Quốc hội (2015), Bộ luật tố tụng hình sự, Hà Nội
65. Quốc hội (2013), Hiến Pháp, Hà Nội
66. Đào Trí Úc (2011), Các nguyên tắc của tố tụng hình sự Việt Nam, Khoa học (Luật học) (27), tr 10-18.
67. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2002), Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
68. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2001), Pháp lệnh Luật sư, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
69. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Viện khoa học xét xử (1998), Hệ thống tư pháp hình sự của một số nước Châu á.
70. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Viện khoa học xét xử (1997), Bản tổng thuật đề tài cấp bộ, Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của tố tụng hình sự Việt Nam.
71. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (2000), Dự án VIE/95/018, Một số khuyến nghị về xây dựng Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi), sổ tay công tác kiểm sát hình sự tại Việt Nam.
72. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2002), Phụ trương thông tin khoa học pháp lý, Bộ luật tố tụng hình sự của nước cộng hoà Liên bang Nga.
73. Viện Nhà nước và Pháp luật (1994), Tội phạm học, Luật hình sự và tố tụng hình sự , Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội .
74. Vụ công tác lập pháp, Viện khoa học kiểm sát (2003), Những sửa đổi cơ bản của Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003.
75. Trịnh Tiến Việt (2003), Tìm hiểu tranh tụng tại phiên tòa hình sự, Tạp chí Kiểm sát, Số chuyên đề tháng 6, trang 18-22.
76. Võ Khánh Vinh (2004), Các hệ thống Tòa án ở các nước trên thế giới: Khía cạnh so sánh khái quát, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 23, trang 7-13.